BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT HƯNG YÊN

CHƯƠNG TRÌNH
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TÊN CHƯƠNG TRÌNH: **CỬ NHÂN QUẢN TRỊ KINH DOANH**

TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO: **ĐẠI HỌC**

LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO: **CHÍNH QUY**

NGÀNH: **QUẢN TRỊ KINH DOANH**

MÃ SỐ: **52340101**

CHUYÊN NGÀNH:

1. **Quản trị kinh doanh công nghiệp**
2. **Marketing sản phẩm và dịch vụ**

HƯNG YÊN – 2015

MỤC LỤC

CHƯƠNG TRÌNH 1
GIÁO DỤC ĐẠI HỌC 1
1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO 3
2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm 5
3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA 5
4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH 5
5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP 6
6. THANG ĐIỂM: Thang điểm 10 6
7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 6
10. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP 18
11. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN 20

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐHSP KỸ THUẬT HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(*Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-ĐHSPKTHY ngày.....tháng.....năm 2015 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Kĩ Thuật Hưng Yên*)

Tên chương trình: **Cử nhân quản trị kinh doanh**

(Bechalor of Business Administration)

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

Ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh (Business Administration)**

Mã số: **52340101**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Quản trị kinh doanh công nghiệp có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khoẻ tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, quản trị kinh doanh, những kỹ năng chuyên sâu về quản trị doanh nghiệp công nghiệp; nắm vững phương pháp hoạch định chính sách, chiến lược, kế hoạch kinh doanh; biết tổ chức hoạt động kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp mới. Sinh viên tốt nghiệp làm việc chủ yếu ở các doanh nghiệp công nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế và giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, THCN khối Kinh tế - Quản trị kinh doanh.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Hiểu rõ và có khả năng vận dụng các quy luật cơ bản trong lĩnh vực xã hội, tự nhiên vào việc phân tích và đề xuất các chính sách kinh tế.

Hiểu rõ các nguyên tắc quản trị trong kinh doanh, các chuẩn mực nghề nghiệp và vận dụng hiệu quả trong thực tế.

Hiểu rõ, chấp hành tốt các quy định chung của pháp luật và các quy định bảo vệ môi trường.

Am hiểu sâu sắc những kiến thức căn bản và nâng cao về quản trị, marketing, tài chính, sản xuất, nhân sự…

Hiểu rõ luật kinh tế, đạo đức và văn hóa kinh doanh và các văn bản pháp luật lien quan đến lĩnh vực kinh doanh cho doanh nghiệp.

1.2.2. Về kỹ năng

Có khả thuyết trình rõ ràng, cuốn hút các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh. Có khả năng hoàn thành tốt các bài tự học, tự nghiên cứu được giao.

Có khả năng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao một cách độc lập, tham gia làm việc nhóm hiệu quả.

Hiểu biết về môi trường kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, có khả năng giao tiếp tốt trong thực tế.

Lập được các kế hoạch trong các lĩnh vực quản trị bao gồm cả kế hoạch tác nghiệp và kế hoạch chiến lược.

Tổ chức triển khai được các kế hoạch: Phân tích mục tiêu, thiết kế được cơ cấu tổ chức, đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho cơ cấu hoạt động.

Khả năng điều hành hoạt động và hội hợp các con người, bộ phận trong quan trình làm việc. Dự kiến các tình huống trong lãnh đạo và đưa ra các giải pháp cho các tình huống.

Xây dựng được các tiêu chí kiểm tra; đo lường các trạng thái của tổ chức; đưa ra được các biện pháp điều chỉnh các sai lệch.

Đạt trình độ tiếng Anh B1, đọc hiểu và dịch các tài liệu chuyên ngành, báo cáo chuyên ngành bằng tiếng anh; soạn thảo được các văn bản thuộc chuyên ngành đào tạo.

Sử dụng thành thạo tin học văn phòng và biết cách sử dụng một số phần mềm ứng dụng để giải quyết các công việc chuyên môn về quản trị kinh doanh.

1.2.3. Về thái độ

Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt;

Có tinh thần trách nhiệm, có trách nhiệm xã hội và ý thức phục vụ nhân dân, có tác phong chuyên nghiệp.

1.2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp

Có khả năng thực hiện các nhiệm vụ của nhà quản trị kinh doanh, tư vấn các hoạt động kinh doanh cho các doanh nghiệp.

Đề xuất được các giải pháp thực tế và phù hợp với các vấn đề còn hạn chế trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.2.5. Vị trí làm việc và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các vị trí công việc như: bộ phận sản xuất, bộ phận thị trường, bộ phận nhân sự… hoặc có thể tham gia giảng dạy về QTKD trong các trường đại học và cao đẳng.

Có đủ kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành để học tập nâng cao trình độ ở các lĩnh vực Quản trị kinh doanh, Kế toán, Kiểm toán, Tài chính ngân hàng…

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Thời gian đào tạo4 năm

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA

130 tín chỉ (Không kể Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh: 11 tín chỉ; KỸ năng mềm: 4 tín chỉ). Trong đó:

KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ
I. Kiến thức giáo dục đại cương	**40**
1.1. Lý luận – chính trị, xã hội – nhân văn	24
1.2. Ngoại ngữ	07
1.3. Toán, tin, và Khoa học – công nghệ và môi trường	09
+ Bắt buộc	09
1.4. Giáo dục thể chất, An ninh - QP	11
1.5. Kỹ năng mềm	04
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	**90**
2.1. Kiến thức cơ sở, ngành	***49***
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành	24
+ *Bắt buộc*	*12*
+ *Tự chọn*	*12*
2.1.2. Kiến thức ngành	25
+ *Bắt buộc*	*21*
+ *Tự chọn*	*04*
2.2. Kiến thức chuyên ngành	***30***
2.2.1. Kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh công nghiệp*	30
+ *Bắt buộc*	*26*
+ *Tự chọn*	*04*
2.2.2. Kiến thức chuyên ngành Quản trị marketing sản phẩm và dịch vụ*	30
+ *Bắt buộc*	*26*
+ *Tự chọn*	*04*
2.3. Thực tập nghề nghiệp	***06***
2.4. Đồ án/khóa luận tốt nghiệp	***05***
Tổng khối lượng	**130**

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Người tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Đào tạo chính quy, tập trung; Áp dụng Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng (Ban hành theo Quyết định số Số: 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộtrưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). Sinh viên sẽ tích lũy đủ số tín chỉ cho các học phần từ các khối kiến thức:

+ Kiến thức giáo dục đại cương

+ Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

- Điều kiện tốt nghiệp: Sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp Đại học chính quy chuyên ngành Quản trị kinh doanh công nghiệp hoặc Quản trị marketing sản phẩm và dịch vụ khi tích luỹ đủ 130 tín chỉ và các chứng chỉ về Giáo dục thể chất, Quốc phòng – An ninh; các chứng chỉ đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học, kĩ năng mềm và chuẩn đầu ra chuyên ngành theo quy định của Nhà trường.

6. THANG ĐIỂM

Thang điểm 10

7. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Số TT	**Mã học phần**	**Học phần**	***Số tín chỉ từng học phần***	***Bắt buộc***	***Tự chọn***	**Số giờ thực hiện**				**Học phần tiên quyết** (ghi số thứ tự của học phần)
						Lý thuyết, bài tập, thảo luận	***Thực hành, thí nghiệm***	***Thực tập xưởng, thực tập tại cơ sở, làm đồ án, khoá luận tốt nghiệp***	***Tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn***	
I. Kiến thức giáo dục đại cương			**40**	**40**	**0**					
1.1 Lý luận chính trị, xã hội, nhân văn			***24***	***24***	***0***					
1	911150	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác–Lênin 1	2	2		45			67,5	Không
2	911151	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác–Lênin 2	3	3		67.5			101,5	1
3	912501	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		45			67,5	2
4	911407	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		67.5			101,5	3

5	911601	Pháp luật đại cương	2	2		45			67,5	Không
6	931122	Lịch sử kinh tế	2	2		45			67,5	Không
7	931804	Kinh tế phát triển	2	2		45			67,5	17, 27
8	931817	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	2		45			67,5	27, 38
9	931814	Thuế	2	2		45			67,5	17
10	931339	Văn hóa kinh doanh	2	2		45			67,5	38
11	931401	Quản trị hành chính văn phòng	2	2		45			67,5	
1.2 Ngoại ngữ			***7***	***7***	***0***					
12	151125	TA1 - NH Pre-Intermediate (B1)	2	2		45			67,5	Không
13	151126	TA2 - NH Pre-Intermediate (B1)	3	3		67.5			101,5	12
14	115127	Tiếng Anh 3A – Luyện thi B1	2	2		45			67,5	13
1.3. Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên - Công nghệ - Môi trường			***9***	***9***	***0***					
15	211056	Tin học đại cương	1	1			30			
16	981111	Toán kinh tế 1	2	2		45			67,5	Không
17	981112	Toán kinh tế 2	2	2		45			67,5	16
18	931208	Toàn cầu hóa	2	2		45			67,5	26, 27
19	181510	Đại cương về môi trường	2	2		45			67,5	Không
1.4 Giáo dục thể chất, AN-QP			***11***							
20	921113	Giáo dục thể chất	***1****	***1****			***45***			*Không*
21	921114	Giáo dục thể chất	***1****	***1****			***45***			*20*
22	921115	Giáo dục thể chất	***1****	***1****			***45***			*19, 20*
23	921300	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	***5+3****	***5+3****		***112,5***	***135***		***169***	*Không*
1.5. Kĩ năng mềm										
24	711166	Kĩ năng mềm 1: Phát triển cá nhân, sự nghiệp và phương pháp học tập ở đại học	1	1		22,5			34	Không
25	711167	Kĩ năng mềm 2: Giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp công sở	1	1		22,5			34	Không
26	711168	Kĩ năng mềm 3: Điều hành cuộc họp và xử lí xung đột trong giao tiếp	1	1		22,5			34	Không
27	711169	Kĩ năng mềm 4: Tổ chức sự kiện và xin việc làm	1	1		22,5			34	Không
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**90**	**65**	**53**					
2.1. Kiến thức cơ sở, ngành			**49**	**33**	**32**					
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành			**24**	**12**	**24**					
Bắt buộc			***12***	***12***	***0***					
28	931600	Kinh tế vi mô	3	3		67,5			101,5	Không
29	931601	Kinh tế vĩ mô	3	3		67,5			101,5	28
30	931108	Nguyên lý kế toán	3	3		67,5			101,5	29

31	931661	Tài chính - tiền tệ	3	3		67,5			101,5	29
Tự chọn 1 (chọn 4 trong số 8 học phần)			***12***	***0***	***24***					
32	931500	*Marketing căn bản**	*3*		*3*	*67,5*			101,5	*44*
33	*931151*	*Kinh tế lượng**	*3+ 1**		*2+ 1**	*45*	*45*		101,5	
34	*932501*	*Xác suất, Thống kê trong kinh tế học**	*3*		*3*	67,5			101,5	*29*
35	*931334*	*Luật kinh tế**	*3*		*3*	67,5			101,5	*5*
36	*930001*	*Kinh tế quốc tế*	*3*		*3*	67,5			101,5	*44*
37	931804	*Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế*	*2+ 1**		*2+ 1**	67,5			101,5	*17, 29*
38	981016	*Quản lý nhà nước về kinh tế*	*3*		*3*	67,5			101,5	*29*
39	981015	*Phân tích chính sách kinh tế*	*3*		*3*	67,5			101,5	*29*
2.1.2. Kiến thức ngành			***25***	***21***	***8***					
Bắt buộc			***21***	***21***	***0***					
40	931180	Quản trị học	3	3		67,5			101,5	28
41	931501	Quản trị nhân lực	3	3		67,5			101,5	44
42	931115	Quản trị tài chính	3	3		67,5			101,5	30, 44
43	931211	Kế toán quản trị	3	3		67,5			101,5	44
44	931114	Quản trị doanh nghiệp	3	3		67,5			101,5	40
45	931320	Quản trị chất lượng	3	3		67,5			101,5	44
46	931406	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3	3		67,5			101,5	44
Tự chọn 2 (Chọn 2 trong số 4 học phần)			***4***	***0***	***8***					
47	931456	*Chứng khoán**	*2*		*2*	*45*			67,5	*42, 53*
48	931169	*Kinh doanh quốc tế**	*2*		*2*	*45*			67,5	*44*
49	931831	*Quản trị cung ứng*	*2*		*2*	*45*			67,5	*44*
50	*931155*	*Hành vi của tổ chức*	*2*		*2*	*45*			67,5	*40*
2.2. Kiến thức chuyên ngành			***30***	***26***	***16***					
2.2.1. Kiến thức chuyên ngành Quản trị kinh doanh công nghiệp			***30***	***26***	***16***					
Bắt buộc			***26***	***26***	***0***					
51	931824	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2	2		45			67,5	40
52	931836	Quản lý công nghệ	2	2		45			67,5	44
53	*931144*	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	2		45			67,5	43
54	211360	Thương mại điện tử	2	2		45			67,5	15, 44
55	931206	Kinh tế và quản lý công nghiệp	3	3		67,5			101,5	44
56	931335	Lập và quản lý dự án đầu tư	3	3		67,5			101,5	44, 53
57	931325	Quản trị chiến lược	3	3		67,5			101,5	44
58	931812	Hệ thống thông tin quản lý	2	2		45			67,5	44, 52
59	931329	Quản trị bán hàng	2	2		45			67,5	32, 42
60	931420	Đồ án Khởi sự kinh doanh	3	3				270		1-59
61	932302	Tiếng Anh chuyên ngành	2	2		45				14, 44
Tự chọn 3 (chọn 2 trong số 8 học phần)			***4***	***0***	***16***					
62	*931822*	*Thanh toán quốc tế**	*2*		*2*	*45*			67,5	*44*
63	*931828*	*Bảo hiểm**	*2*		*2*	*45*			67,5	*44*

64	*932147*	*Quản trị ngân hàng*	*2*		*2*	*30*			67,5	*44*
65	*931816*	*Tài chính công*	*2*		*2*	*30*			67,5	*44*
66	*981010*	*Đầu tư quốc tế*	*2*		*2*	*30*			67,5	*44*
67	*981018*	*Phân tích đầu tư*	*2*		*2*	*45*			67,5	*44*
68	*981007*	*Kinh tế Việt Nam*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*24*
69	*981002*	*Đầu tư tài chính*	*2*		*2*	*30*			*101,5*	*42, 44*
2.2.2. Kiến thức chuyên ngành Marketing sản phẩm và dịch vụ			***30***	***26***	***16***					
Bắt buộc			***26***	***26***	***0***					
70	961003	Marketing dịch vụ	2	2		45			67,5	32, 40
71	931836	Quản lý công nghệ	2	2		45			67,5	38
72	961004	Marketing quốc tế	2	2		45			67,5	32, 40
73	961005	Quan hệ công chúng	3	3		67,5			101,5	32, 40
74	961006	Nghiên cứu marketing	3	3		67,5			101,5	32, 40
75	961007	Hành vi khách hàng	2	2		45			67,5	32
76	931325	Quản trị chiến lược	3	3		67,5			101,5	40, 44
77	961008	Quản trị thương hiệu	2	2		45			67,5	32
78	931329	Quản trị bán hàng	2	2		45			67,5	34
79	961009	Đồ án Lập kế hoạch marketing	3	3				270		1-78
80	932302	Tiếng anh chuyên ngành	2	2		45			67,5	14, 44
Tự chọn 3 (chọn 2 trong số 8 học phần)			***4***	***0***	***16***					
81	961010	*Truyền thông marketing tích hợp**	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*32*
82	961011	*Quản trị quan hệ khách hàng**	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*32, 75*
83	*931144*	*Phân tích hoạt động kinh doanh*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*43, 44*
84	*931831*	*Quản trị cung ứng*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*40, 44*
85	*981010*	*Đầu tư quốc tế*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*44*
86	*981018*	*Phân tích đầu tư*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*44*
87	*981007*	*Kinh tế Việt Nam*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*29*
88	*981002*	*Đầu tư tài chính*	*2*		*2*	*45*			*67,5*	*42, 44*
2.3. Thực tập nghề nghiệp			***6***	***6***	***0***					
89	931182	Thực tập 1 (nhận thức)	1	1				45		Năm 1
90	931820	Thực tập 2 (Kỹ năng)	2	2				90		Năm 2
91	931847	Thực tập tốt nghiệp	3	3				135		Năm 4
2.4. Đồ án/khóa luận tốt nghiệp			***5***		***5***					
92	931146	Khóa luận tốt nghiệp	5		5			225		1-91
Tổng số			**130**	**105**	**25**					

Sinh viên chọn chuyên ngành Quản trị kinh doanh công nghiệp sẽ học các HP trong mục 2.2.1; nếu chọn chuyên ngành Marketing SP&DV sẽ học các HP trong mục 2.2.2.

(*) Sinh viên không làm Khoá luận tốt nghiệp phải học bổ sung đủ 5 TC trong các học phần lựa chọn chưa chọn trong quá trình đào tạo.

Cộng: 90 tín chỉ (Bắt buộc: 65 tín chỉ; Tự chọn: 25 tín chỉ). Lựa chọn thêm 5 tín chỉ nếu không làm khoá luận tốt nghiệp

Tổng cộng: 130 tín chỉ (Bắt buộc 105 tín chỉ; Tự chọn: 25 tín chỉ; Số tín chỉ thực hành/thí nghiệm/thực tập/đồ án/khóa luận: 13.

8. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

8.1 Hướng dẫn chung

Chương trình giáo dục đại học ngành Quản trị kinh doanh được thiết kế theo cấu trúc kiểu đa ngành, với những học phần theo qui định tối thiểu của Bộ Giáo dục và Đào tạo, và nhà trường đã bổ sung những học phần cần thiết để xây dựng thành chương trình đào tạo của trường với tổng số 130 tín chỉ, không kể các nội dung về Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ), Giáo dục Quốc phòng (8 TC), và kỹ năng mềm (4 TC)

Chương trình này được thiết kế theo hướng ứng dụng, tinh giản lí thuyết, tăng cường sự hiểu biết về kiến thức kinh tế - quản trị kinh doanh, nâng cao trình độ sử dụng tiếng Anh và tin học, tăng cường các kĩ năng mềm, tăng cường việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và thực hành thường xuyên tại các cơ sở thực tập.

Chương trình được thiết kế phù hợp với việc đổi mới phương pháp dạy - học, chú ý đúng mức đến sự phù hợp với điều kiện trong nước và từng bước hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới trong lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh.

Chương trình này được thiết kế thành 2 khối kiến thức:

- ❖ Khối kiến thức giáo dục đại cương: 40 tín chỉ
- ❖ Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 90 tín chỉ *(Tự chọn: 25 tín chỉ).*

Khối kiến thức giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp có tính bắt buộc. Khối kiến thức tự chọn có tính hướng nghiệp cụ thể cho người học.

- ❖ Lựa chọn và đăng kí học một số học phần của khối này sao cho đủ 25 tín chỉ.
- ❖ Việc lựa chọn này phải thoả mãn 2 yêu cầu :
  - ✓ Phù hợp với định hướng nghiệp vụ chuyên sâu của sinh viên về: Các loại hình doanh nghiệp; Các lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp: Quản trị cung ứng, Sản xuất và tác nghiệp, marketing, nhân lực…; Kỹ năng mềm: Đàm phán, giao dịch, thuyết trình…;
  - ✓ Đủ số tín chỉ quy định nếu không làm khoá luận tốt nghiệp: 5 tín chỉ.

Việc thực tập được tổ chức theo hai hình thức:

- ❖ Thực tập thường xuyên: Gồm thực tập nhận thức được thực hiện trong năm học đầu tiên (học kỳ 2) và thực tập kỹ thuật vào năm thứ 2 (học kỳ 4);
- ❖ Thực tập nghề nghiệp: Tập trung cuối khoá học (học kỳ 8).

Khóa luận tốt nghiệp: Dạng đề tài nghiên cứu ứng dụng một số vấn đề về doanh nghiệp.

Trình tự triển khai giảng dạy các học phần đảm bảo tính logic của việc truyền

đạt và tiếp thu các mảng kiến thức, đã quy định các học phần tiên quyết của học phần kế tiếp trong chương trình đào tạo.

Về nội dung: Nội dung trong đề cương là những nội dung cốt lõi của học phần.

Về số tiết của học phần: Ngoài thời lượng giảng dạy trên lớp theo kế hoạch giảng dạy cho các học phần, chương trình quy định thêm số tiết tự học, tự nghiên cứu để sinh viên củng cố kiến thức đã học của học phần.

Về yêu cầu thực hiện số lượng và hình thức bài tập do giảng viên quy định nhằm giúp sinh viên nắm vững kiến thức lý thuyết, rèn luyện các kỹ năng thiết yếu.

Tất cả các học phần đều phải có giáo trình hoặc bài giảng, tài liệu tham khảo, bài hướng dẫn... đã in sẵn cung cấp cho sinh viên. Tuỳ theo điều kiện thực tế của trường, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ: Giảng viên thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận giải quyết vấn đề tại lớp, thảo luận và làm việc theo nhóm...

8.2. Hướng dẫn về trình tự bố trí các học phần cho kế hoạch theo học kỳ

8.2.1. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp công nghiệp

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Lịch sử kinh tế	2	2							
2	TA1 - NH Pre-Intermediate (B1)	2	2							
3	Tin học đại cương	1	1							
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin1	2	2							
5	Giáo dục Thể chất (TC 1)	1	1							
6	Giáo dục Quốc phòng	8	8							
7	Kinh tế vi mô	3	3							
8	Kĩ năng mềm 1	1	1							
9	Thực tập 1 (QTKD)	1		1						
10	Giáo dục Thể chất (TC 2)	1		1						
11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin2	3		3						
12	Toán kinh tế 1	2		2						
13	Đại cương về môi trường	2		2						
14	TA2 - NH Pre-Intermediate (B1)	3		3						
15	Quản trị học	3		3						
16	Kinh tế vĩ mô	3		3						
17	Nguyên lý kế toán	3		3						
18	Pháp luật đại cương	2			2					
19	Tiếng Anh 3A - Luyện thi B1	2			2					
20	Giáo dục Thể chất (TC 3)	1			1					
21	Kinh tế phát triển	2			2					
22	Tài chính-tiền tệ	3			3					
23	Quản trị doanh nghiệp	3			3					

	Tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)	*6*								
24	*Marketing căn bản (LC)*	*3*			*3*					
25	*Xác suất, thống kê trong kinh tế học(LC)*	*3*			*3*					
26	*Kinh tế quốc tế*	*3*			*0*					
27	*Phân tích chính sách kinh tế*	*3*			*0*					
28	Toàn cầu hóa	2				2				
29	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
30	Toán kinh tế 2	2				2				
31	Thực tập 2 (QTKD)	2				2				
32	Kĩ năng mềm 2	1				1				
	Tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)	*10*								
33	*Kinh tế lượng (LC)*	*3*				*3*				
34	*Luật kinh tế (LC)*	*3*				*3*				
35	*Chứng khoán (LC)*	*2*				*2*				
36	*Kinh doanh quốc tế (LC)*	*2*				*2*				
37	*Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế*	*3*				*0*				
38	*Quản lý nhà nước về kinh tế*	*3*				*0*				
39	*Quản trị cung ứng*	*2*				*0*				
40	*Hành vi của tổ chức*	*2*				*0*				
41	Kế toán quản trị	3					3			
42	Quản trị tài chính	3					3			
43	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3					3			
44	Thuế	2					2			
45	Văn hoá kinh doanh	2					2			
46	Quản trị hành chính văn phòng	2					2			
47	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2					2			
48	Quản trị nhân lực	3					3			
49	Quản lý công nghệ	2						2		
50	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3						3		
51	Quản trị bán hàng	2						2		
52	Tiếng Anh chuyên ngành	2						2		
53	Quản trị chất lượng	3						3		
54	Quản trị chiến lược	3						3		
55	Đồ án Khởi sự kinh doanh	3						3		
56	Kĩ năng mềm 3	1						1		
57	Kinh tế và quản lý công nghiệp	3							3	
58	Lập và quản lý dự án đầu tư	3							3	
59	Thương mại điện tử	2							2	
60	Hệ thống thông tin quản lý	2							2	
61	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	2							2	
62	Phân tích hoạt động kinh doanh	2							2	
63	Kĩ năng mềm 4	1							1	
	Tự chọn (chọn 2 trong 8 học phần)	*4*								

64	*Thanh toán quốc tế (LC)*	*2*							*2*	
65	*Bảo hiểm (LC)*	*2*							*2*	
66	*Đầu tư quốc tế*	*2*							*0*	
67	*Phân tích đầu tư*	*2*							*0*	
68	*Kinh tế Việt Nam*	*2*							*0*	
69	*Quản trị ngân hàng*	*2*							*0*	
70	*Tài chính công*	*2*							*0*	
71	*Đầu tư tài chính*	*2*							*0*	
72	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	3								3
73	Khóa luận tốt nghiệp	5								5
Tổng cộng:		**145**	**20**	**21**	**19**	**19**	**20**	**19**	**19**	**8**

8.2.2 Chuyên ngành Quản trị marketing sản phẩm và dịch vụ

TT	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	HỌC KỲ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1	Lịch sử kinh tế	2	2							
2	TA1 - NH Pre-Intermediate (B1)	2	2							
3	Tin học đại cương	1	1							
4	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin1	2	2							
5	Giáo dục Thể chất (TC 1)	1	1							
6	Giáo dục Quốc phòng	8	8							
7	Kinh tế vi mô	3	3							
8	Kĩ năng mềm 1	1	1							
9	Thực tập 1 (QTKD)	1		1						
10	Giáo dục Thể chất (TC 2)	1		1						
11	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin2	3		3						
12	Toán kinh tế 1	2		2						
13	Đại cương về môi trường	2		2						
14	TA2 - NH Pre-Intermediate (B1)	3		3						
14	Quản trị học	3		3						
15	Kinh tế vĩ mô	*3*		3						
16	Nguyên lý kế toán	3		3						
17	Pháp luật đại cương	2			2					
18	Tiếng Anh 3A - Luyện thi B1	2			2					
19	Giáo dục Thể chất (TC 3)	1			1					
20	Kinh tế phát triển	2			2					
21	Tài chính-tiền tệ	3			3					
22	Quản trị doanh nghiệp	3			3					
	Tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần)	***6***								
23	*Marketing căn bản (LC)*	*3*			*3*					
24	*Xác suất, thống kê trong kinh tế học(LC)*	*3*			*3*					
25	*Kinh tế quốc tế*	*3*			*0*					

26	*Phân tích chính sách kinh tế*	*3*			*0*					
27	Toàn cầu hóa	2				2				
28	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2				
29	Toán kinh tế 2	2				2				
30	Thực tập 2 (QTKD)	2				2				
31	Kĩ năng mềm 2	1				1				
	Tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần)	*10*								
32	*Kinh tế lượng (LC)*	*3*				*3*				
33	*Luật kinh tế (LC)*	*3*				*3*				
34	*Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế*	*3*				*0*				
35	*Quản lý nhà nước về kinh tế*	*3*				*0*				
36	*Chứng khoán (LC)*	*2*				*2*				
37	*Kinh doanh quốc tế (LC)*	*2*				*2*				
38	*Quản trị cung ứng*	*2*				*0*				
39	*Hành vi của tổ chức*	*2*				*0*				
40	Kế toán quản trị	3					3			
41	Quản trị tài chính	3					3			
42	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3					3			
43	Thuế	2					2			
44	Văn hoá kinh doanh	2					2			
45	Quản trị hành chính văn phòng	2					2			
46	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2					2			
47	Quản trị nhân lực	3					3			
48	Quản lý công nghệ	2						2		
49	Quản trị sản xuất và tác nghiệp	3						3		
50	Quản trị bán hàng	2						2		
51	Tiếng Anh chuyên ngành	2						2		
52	Quản trị chất lượng	3						3		
53	Quản trị chiến lược	3						3		
54	Đồ án Lập kế hoạch marketing	3						3		
55	Kĩ năng mềm 3	1						1		
56	Marketing dịch vụ	2							2	
57	Marketing quốc tế	2							2	
58	Quan hệ công chúng	2							2	
59	Nghiên cứu marketing	3							3	
60	Hành vi khách hàng	3							3	
61	Quản trị thương hiệu	2							2	
62	Kĩ năng mềm 4	1							1	
	Tự chọn (chọn 2 trong 8 học phần)	***4***								
63	*Truyền thông marketing tích hợp (LC)*	*2*							*2*	
64	*Quản trị quan hệ khách hàng (LC)*	*2*							*2*	
65	*Đầu tư quốc tế*	*2*							*0*	

66	*Phân tích đầu tư*	*2*							*0*	
67	*Kinh tế Việt Nam*	*2*							*0*	
68	*Phân tích hoạt động kinh doanh*	*2*							*0*	
69	*Quản trị cung ứng*	*2*							*0*	
70	*Đầu tư tài chính*	*2*							*0*	
71	Thực tập tốt nghiệp (QTKD)	3								3
72	Khóa luận tốt nghiệp	5								5
Tổng cộng:		**145**	**20**	**21**	**19**	**19**	**20**	**19**	**19**	**8**

9. DANH SÁCH ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Tên giảng viên	Năm sinh		Văn bằng cao nhất	Chuyên ngành	Học phần/tín chỉ sẽ giảng dạy
		Nam	Nữ			
1	Cao Xuân Sáng	1980		Thạc sĩ	K.tế-C.trị	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin1
2	Bùi Văn Hà	1966		Thạc sĩ	Triết học	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác–Lênin 2
3	Nguyễn Trường Cảnh	1977		Tiến sĩ	Triết học	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Lê Cao Vinh	1980		Thạc sĩ	Lịch sử Đảng	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam
5	Lê Đình Dương	1981		Thạc sĩ	Triết học	Pháp luật đại cương
6	Lương Thị Hải Yến		1977	Thạc sĩ	Luật	Lịch sử kinh tế
7	Lê Thị Thương		1986	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Kinh tế phát triển
8	Đỗ Văn Cường	1982		Thạc sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh
9	Vũ Thị Phương Thảo		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Thuế
10	Bùi Thị Thu Thủy		1984	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Văn hóa kinh doanh
11	Lương Thị Hải Yến		1977	Thạc sĩ	Luật	Quản trị hành chính văn phòng
12	Phạm Ngọc Sơn	1977		Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh 1 - B1 (TA1)
13	Nguyễn Phúc Hường		1981	Tiến sĩ	Kinh tế thương mại	Tiếng Anh 2 - B1 (TA2)
14	Nguyễn Thị Mý		1986	Thạc sĩ	Tiếng Anh	Tiếng Anh luyện thi B1- 3A (LT B1)
15	Phạm Quốc Hùng	1983		Thạc sĩ	CNTT	Tin học đại cương
16	Nguyễn Thị Tươi		1987	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Toán kinh tế 1
17	Trịnh Huyền Trang		1987	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Toán kinh tế 2

18	Nguyễn Quốc Tuấn	1960		Tiến sĩ	Kinh tế	Toàn cầu hóa
19	Phan Thị Uyên Nhung		1984	Thạc sĩ	Hóa môi trường	Đại cương về môi trường
20	Vũ Thế Anh	1985		Thạc sĩ	Thể dục thể thao	Giáo dục thể chất
21	Bùi Quang Khải	1973		Thạc sĩ	Quân sự	Giáo dục Quốc phòng - An ninh
22	Đỗ Thế Hưng	1976		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Kỹ năng mềm 1
23	Nguyễn Hữu Hợp	1977		Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật	Kỹ năng mềm 2
24	Đỗ Thế Hưng			Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	Kỹ năng mềm 3
25	Nguyễn Hữu Hợp			Thạc sĩ	Sư phạm kỹ thuật	Kỹ năng mềm 4
26	Bùi Thị Thu Thủy		1984	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kinh tế vi mô
27	Bùi Văn Hà	1985		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kinh tế vĩ mô
28	Đỗ Thị Thủ y		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Nguyên lý kế toán
29	Vũ Thị Phương Thảo		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính - tiền tệ
30	Đào Đức Bùi	1979		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing căn bản
31	Trịnh Thị Huyền Trang		1987	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kinh tế lượng
32	Phạm Xuân Thông	1981		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Xác suất thống kê trong kinh tế
33	Hoàng Thị Hồng Đào		1979	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Luật kinh tế
34	Nguyễn Quốc Phóng	1981		Thạc sĩ	QTKD	Kinh tế quốc tế
35	Lê Thị Thương		1986	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế
36	Nguyễn Quốc Tuấn	1960		Tiến sĩ	Kinh tế	Quản lý nhà nước về kinh tế
37	Lê Thị Thương		1986	Thạc sĩ	Kinh tế phát triển	Phân tích chính sách kinh tế
38	Hoàng Hải Bắc	1977		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị học
39	Vũ Thị La		1985	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Quản trị nhân lực
40	Nguyễn Đắc Dị	1955		Tiến sĩ	Toán kinh tế	Quản trị tài chính
41	Đoàn Thị Thu Hương		1979	Thạc sĩ	Kế toán	Kế toán quản trị

42	Hoàng Minh Đức	1980		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị doanh nghiệp
43	Nguyễn Trọng Tấn	1981		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị chất lượng
44	Nguyễn Xuân Huynh	1981		Thạc sĩ	QTKD	Quản trị sản xuất và TN
45	Vũ Thị Phương Thảo		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Chứng khoán
46	Nguyễn Quốc Phóng	1981		Thạc sĩ	QTKD	Kinh doanh quốc tế
47	Đào Đức Bùi	1979		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị cung ứng
48	Vũ Thị La		1985	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Hành vi tổ chức
49	Vũ Thị Huyền		1984	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Giao dịch và đàm phán kinh doanh
50	Nguyễn Xuân Huynh	1981		Thạc sĩ	QTKD	Quản lý công nghệ
51	Lê Thị Hồng Quyên		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Phân tích hoạt động KD
52	Nguyễn Quốc Phóng	1981		Thạc sĩ	QTKD	Thương mại điện tử
53	Nguyễn Thị Mơ		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kinh tế và quản lý công nghiệp
54	Nguyễn Thị Ngọc Yến		1987	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	Lập và quản lý dự án
55	Nguyễn Văn Hưởng	1975		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Quản trị chiến lược
56	Đỗ Thị Hạnh		1985	Thạc sĩ	QTNL	Hệ thống thông tin quản lý
57	Luyện Văn Thủy	1984		Thạc sĩ	Marketing	Quản trị bán hàng
58	*					Đồ án Khởi sự kinh doanh
59	Nguyễn Văn Hưởng	1975		Tiến sĩ	Kinh tế nông nghiệp	Tiếng anh chuyên ngành
60	Nguyễn Quốc Phóng	1981		Thạc sĩ	QTKD	Thanh toán quốc tế (LC)
61	Lưu Minh Huyên	1976		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Bảo hiểm
62	Nguyễn Quốc Phóng	1981		Thạc sĩ	QTKD	Đầu tư quốc tế
63	Nguyễn Thị Ngọc Yến		1987	Thạc sĩ	Kinh tế đầu tư	Phân tích đầu tư
64	Nguyễn Thị Mơ		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Kinh tế Việt Nam
65	Lưu Minh Huyên	1976		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị ngân hàng
66	Lê Thị Hồng Quyên		1986	Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Tài chính công

67	Lưu Minh Huyên	1976		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Đầu tư tài chính
68	Luyện Văn Thủy	1984		Thạc sĩ	Marketing	Marketing dịch vụ
69	Đào Đức Bùi	1979		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Marketing quốc tế
70	Vũ Thị Bích Hạnh		1981	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Quan hệ công chúng
71	Vũ Thị Bích Hạnh		1981	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Nghiên cứu marketing
72	Hoàng Hải Bắc	1977		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Hành vi khách hàng
73	Nguyễn Quốc Phóng	1981		Thạc sĩ	QTKD	Quản trị thương hiệu
74	*					Đồ án lập kế hoạch marketing
75	Nguyễn Xuân Huynh	1981		Thạc sĩ	QTKD	Tiếng anh chuyên ngành
76	Luyện Văn Thủy	1984		Thạc sĩ	Marketing	Quản trị Marketing tích hợp
77	Bùi Văn Hà	1985		Thạc sĩ	Tài chính ngân hàng	Quản trị quan hệ khách hàng
78	(*)					Thực tập 1 (nhận thức)
79	(*)					Thực tập 2 (kỹ năng)
80	(*)					Thực tập tốt nghiệp
81	(*)					Khóa luận tốt nghiệp

(*): Toàn bộ CBGV giảng dạy cơ sở ngành và chuyên ngành QTKD

10. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

10.1. Các phòng thí nghiệm, thực hành; các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Dùng chung phòng học, phòng thí nghiệm, thư viện của trường cụ thể là:

Nội dung	**Tổng số phòng** (đ/v cái)	**Tổng diện tích** (m^2)
Tổng diện tích xây dựng toàn trường		24.173
Diện tích phục vụ trực tiếp cho giảng dạy		16.462
1. Giảng đường, phòng học	58	7.076
Trong đó: - Phòng máy tính	06	622
- Phòng ngoại ngữ, nghe nhìn	02	112
2. Thư viện	03	757
3. Phòng thí nghiệm	08	988
4. Xưởng thực hành, thực tập	23	6.921
5. Phòng QLHC và làm việc	36	720

10.2. Thư viện

Hệ thống thư viện của Trường, được bố trí tại cả 3 cơ sở phục vụ cán bộ, giáo viên và HSSV.

Hệ thống phòng chức năng:

+ Cơ sở 1

01 phòng mượn giáo trình và sách tham khảo

01 phòng đọc mở, diện tích khoảng 90 m^2 với 66 chỗ ngồi

01 phòng đọc báo tạp chí, diện tích khoảng 40 m^2 với 30 chỗ ngồi

01 phòng mạng 44 máy trạm diện tích khoảng 80m^2 được được nối mạng LAN và Internet.

Hiện tại tòa nhà thư viện đã được nâng cấp theo chương trình dự án vốn vay của ngân hàng tái thiết Đức (KFW) với diện tích sàn sử dụng là 825 m^2.

+ Cơ sở 2

Đã đưa vào sử dụng một thư viện có diện tích sử dụng khoảng 500 m^2. Hiện tại đang khởi công xây dựng nhà thư viện 4 tầng diện tích sàn 2.528 m^2.

+ Cơ sở 3

01 phòng mượn giáo trình và sách tham khảo

01 phòng đọc mở, diện tích khoảng 60 m^2 với 50 chỗ ngồi

01 phòng truy cập internet gồm 01 máy chủ 8 máy trạm

Nguồn sách: Thư viện có hơn 3.003 đầu sách với 47.700 bản,bao gồm: giáo trình có 725 đầu sách với 16.613 bản, sách tham khảo tiếng Việt có 1.622 đầu sách với 29.782 bản, sách tham khảo tiếng Nga có 62 đầu sách với 140 bản, tiếng Anh 375 đầu sách với 716 bản.

Tổng số đầu báo 49 (trong đó có 1 bản là tiếng Anh), số đầu tạp chí là 36 (trong đó có 2 tạp chí tiếng Anh).

Thư viện có tương đối đầy đủ tài liệu, giáo trình phục vụ cho các chuyên ngành đào tạo của Trường. Số lượng đầu sách giáo trình tính trung bình cho một ngành đào tạo là 59 đầu sách/ngành.

Tỉ lệ đầu sách chuyên môn/ngành là 135,4. Ngoài ra, thư viện còn có tủ sách pháp luật với 72 đầu sách phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu của HSSV và CBGV.

11. MÔ TẢ NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

11.1 Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (1) 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Không

Mục tiêu của học phần:

Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

*Nội dung:*Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác-Lênin và một số vấn đề chung của môn học, căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc gồm: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin; Phần thứ hai: những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin

11.2 Những nguyên lý cơ bản của CN Mác – Lênin (2): 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (1)

Mục tiêu của học phần:

Xác lập cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng;

Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên;

Từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo.

Nội dung: Thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ ĐH-CĐ dùng cho khối không chuyên ngành Mac-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

11.3 Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin (2)

Mục tiêu của học phần:

Cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá, Hồ Chí Minh.

Tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin.

Cùng với môn học Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và của cách mạng nước ta.Góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

Nội dung: Thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ ĐH-CĐ dùng cho khối không chuyên ngành Mac-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

11.4 Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác. Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính

Nội dung: Thực hiện theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD ĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ ĐH-CĐ dùng cho khối không chuyên ngành Mac-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh

11.5 Pháp luật đại cương: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Trang bị những kiến thức phổ thông, cơ bản về Nhà nước và pháp luật cho SV góp phần giáo dục toàn diện, nâng cao ý thức và trách nhiệm công dân ý thức tôn trọng và bảo vệ Quốc gia.

Rèn luyện thói quen và xây dựng nếp sống, hành vi ứng xử theo pháp luật cho sinh viên, từ đó thực hiện nghĩa vụ về bảo vệ quyền lợi hợp pháp của công dân, có ý thức chấp hành pháp luật tham gia xây dựng và bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội

*Nội dung:*Học phần giới thiệu các khái niệm, các phạm trù chung cơ bản nhất về nhà nước và Pháp luật dưới góc độ của khoa học quản lý. Trên cơ sở đó, đi vào phân tích: Cấu trúc của bộ máy nhà nước cũng như chức năng, thẩm quyền và địa vị pháp lý của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật; Một số nội dung cơ bản của Luật hành chính, Luật Dân sự, Luật hình sự.

11.6 Lịch sử kinh tế: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các vấn đề cơ bản về lịch sử kinh tế của các nước ngoài và Việt Nam như: Sự ra đời của chủ nghĩa tư bản, đặc điểm lịch sử kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa nói chung, đặc điểm lịch sử kinh tế các nước Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, các nước ASEAN, Việt Nam. Hiểu rõ về kinh tế của các nước qua các giai đoạn lịch sử và biến động lịch sử khác nhau và các sự kiện lịch sử có liên quan đến sự phát triển kinh tế của các nước.

Từ quá trình phát triển kinh tế của các tiêu biểu trên thế giới và Việt Nam rút ra được những bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế ở hiện tại.Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

Nâng cao lập trường, trình độ lý luận về kinh tế và đánh giá quá trình phát triển kinh tế cho người học.

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: lịch sử phát triển kinh tế các nước tư bản chủ nghĩa; các nước xã hội chủ nghĩa; các nước đang phát triển, các nước ASEAN, nước Mỹ, Nhật, Liên xô (cũ), Trung Quốc; quá trình phát triển kinh tế Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

11.7 Kinh tế phát triển: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các vấn đề cơ bản của kinh tế phát triển như: bản chất và các chỉ tiêu tăng trưởng, phát triển kinh tế, các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội của một quốc gia; và chính sách phát triển kinh tế - xã hội.

Phân tích và đánh giá một cách căn bản về tình hình tăng trưởng và phát triển của đất nước dựa trên những tiêu chí định lượng và định tính;

Nâng cao khả năng tư duy khoa học đối với các vấn đề, sự kiện kinh tế-xã hội của đất nước trong xu thế hội nhập

*Nội dung:*Học phần cung cấp những nội dung lý thuyết cơ bản về phát triển kinh tế và vận dụng vào thực tiễn các nước đang phát triển; bản chất tăng trưởng và phát triển kinh tế; những vấn đề phát triển kinh tế được đặt ra với các nước đang phát triển; tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển phúc lợi cho con người; các yếu tố tác động đến tăng trưởng kinh tế: chính sách phát triển nông nghiệp và nông thôn, chính sách công nghiệp, tài chính và ngoại thương; ngoài ra còn nghiên cứu sự vận dụng vào đường lối phát triển kinh tế của Việt Nam.

11.8 Phương pháp nghiên cứu kinh doanh: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Nguyên lý thống kê kinh tế.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những khái niệm và nội dung cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học và nghiên cứu kinh doanh.

Hình thành và phát triển các phương pháp nghiên cứu kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp như thu thập tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu.

Viết và trình bày được báo cáo kết quả nghiên cứu kinh doanh.

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho sinh viên một số khái niệm cơ bản về nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học và kinh doanh, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học và kinh doanh, nội dung các phương pháp nghiên cứu kinh doanh chủ yếu của doanh nghiệp, phương pháp thu thập tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế, giúp người học có thể viết báo cáo kết quả nghiên cứu kinh doanh và trình bày những kết quả đã nghiên cứu.

11.9 Thuế: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các vấn đề cơ bản về thuế và công tác quản lý thuế như khái niệm thuế, đối tượng chịu thuế, thuế suất,...quyết toán thuế, hoàn thuế,...

Xác định được cách phân loại thuế, các loại thuế, các luật thuế, cách tính các loại thuế hiện hành;

Vận dụng thực tế vào công tác kê khai và nộp thuế, hoàn thuế, quyết toán thuế.

*Nội dung:*Học phần giới thiệu cho sinh viên một cách khái quát toàn bộ hệ thống thuế Việt Nam hiện hành, đặc điểm, cơ cấu một sắc thuế, xu hướng cải cách thuế Việt Nam và thế giới; giới thiệu cho sinh viên một cách chi tiết một số sắc thuế chủ yếu: những qui định chung và kỹ năng thực hành.

11.10 Văn hóa kinh doanh: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản, Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Trình bầy được những nội dung cơ bản trong lĩnh vực văn hoá kinh doanh.

Phân tích được nội dung và hình thức của triết lý doanh nghiệp Thực hành phân tích được một số tình huống đạo đức trong kinh doanh, phân tích được văn hoá kinh doanh trong một số hoạt động của doanh nghiệp.

Phát triển kỹ năng trong xây dựng nền tảng đạo đức kinh doanh và môi trường văn hoá của doanh nghiệp, hỗ trợ tư duy, kỹ năng cho các môn học khác.

*Nội dung:*Học phần giúp sinh viên nắm được những nội dung cơ bản lĩnh vực đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp; cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp luận và kỹ năng quản lý thông qua xem xét mặt đạo đức kinh doanh và văn hoá doanh nghiệp; mở rộng xem xét việc tổ chức quan hệ nội bộ doanh nghiệp và đối ngoại theo các quan điểm tiên tiến tại các nước phát triển.

11.11 Quản trị hành chính văn phòng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những kiến thức cần thiết của quy trình quản trị các hoạt động hành chính trong các văn phòng của doanh nghiệp

Phát triển những kỹ năng căn bản trong hoạt động văn phòng

Tự phân tích và xử lý các công việc hành chính văn phòng phục vụ mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

*Nội dung:*Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết của qui trình quản trị các hoạt động hành chính trong các văn phòng của doanh nghiệp, nhấn mạnh đến hành chính trong các doanh nghiệp (hành chính kinh doanh). Đồng thời qua học phần, sinh viên được trang bị những kỹ năng căn bản trong hoạt động nghiệp vụ văn phòng, là nền tảng cho việc điều hành và xử lý các công việc hành chính văn phòng phục vụ mục tiêu phát triển của doanh nghiệp.

11.12 Tiếng Anh 1 - B1 (TA1): 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản để có thể hiểu được các câu và cấu trúc được sử dụng thường xuyên liên quan đến nhu cầu giao tiếp cơ bản (như các thông tin về gia đình, bản thân, đi mua hàng, hỏi đường, việc làm); có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v... Có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó. Có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm.

Phát triển kiến thức nền tảng của tiếng Anh giao tiếp làm tiền đề cho các chương trình luyện thi tương đương chuẩn B1(Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR).

*Nội dung:*Các bài giảng thuộc học phần nằm trong chương trình được thực hiện dựa trên giáo trình nổi tiếng của Nhà xuất bản Oxford, giáo trình New Headway Pre-intermediate fourth edition 2012 được ấn bản toàn cầu, với các nội dung phong phú và đa dạng theo định hướng phát triển các kỹ năng giao tiếp (nghe- nói- đọc- viết) hướng tới chuẩn kiến thức và kỹ năng tương đương cấp độ B1(Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR). Giáo trình có hệ thống bài học theo các chủ điểm và tình huống giao tiếp, trong đó có chú trọng đến kiến thức ngữ pháp và từ vựng một cách có hệ thống với các chủ điểm phong phú, nhằm giúp sinh viên/ học viên

rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (nghe-nói-đọc-viết) một cách bài bản và có hiệu quả. Các kỹ năng và kiến thức có thể làm cở sở để sinh viên/học viên hoàn thiện và phát triển ở các trình độ cao hơn.

11.13 Tiếng Anh 2 - B1 (TA2): 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1 - B1 (TA1)

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản để có thể trao đổi thông tin về những chủ đề đơn giản, quen thuộc hằng ngày. Có thể mô tả đơn giản về bản thân, môi trường xung quanh và những vấn đề thuộc nhu cầu thiết yếu.

Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v. Có thể mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

Phát triển kiến thức nền tảng của tiếng Anh giao tiếp làm tiền đề cho các chương trình luyện thi tương đương chuẩn B1(Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR).

*Nội dung:*Các bài giảng thuộc học phần nằm trong chương trình được thực hiện dựa trên giáo trình nổi tiếng của Nhà xuất bản Oxford, giáo trình New Headway Pre-intermediate fourth edition 2012 được ấn bản toàn cầu, với các nội dung phong phú và đa dạng theo định hướng phát triển các kỹ năng giao tiếp (nghe- nói- đọc- viết) hướng tới chuẩn kiến thức và kỹ năng tương đương cấp độ B1(Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR).

Giáo trình có hệ thống bài học theo các chủ điểm và tình huống giao tiếp, trong đó có chú trọng đến kiến thức ngữ pháp và từ vựng một cách có hệ thống với các chủ điểm phong phú, nhằm giúp sinh viên/ học viên rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (nghe-nói-đọc-viết) một cách bài bản và có hiệu quả. Các kỹ năng và kiến thức có thể làm cở sở để sinh viên/học viên hoàn thiện và phát triển ở các trình độ cao hơn.

11.14 Tiếng Anh luyện thi B1- 3A (LT B1): 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2 - B1 (TA2)

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản và có hệ thống về tiếng Anh luyện thi tương đương chuẩn B1 (Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR).

Sinh viên/học viên sử dụng tiếng Anh để phát triển các kỹ năng làm bài thi theo dạng PET (Preliminary English Test) của Cambridge, trong đó, chú trọng các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết, từ vựng, ngữ pháp). Phát triển kiến thức nền tảng của

tiếng Anh luyện thi theo các chủ điểm, từng bước hoàn thiện bài thi theo dạng chuẩn của một bài thi PET.

Giúp sinh viên hiểu được yêu cầu, định dạng, và phạm vi ngôn ngữ được ứng dụng trong từng kỹ năng làm bài thi PET.

*Nội dung:*Học phần luyện thi tiếng Anh theo dạng bài thi PET của Cambridge được thiết kế nhằm giúp sinh viên hướng tới sự thành công với chuẩn B1(Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR). Giáo trình Objective PET trang bị và giúp sinh viên từng bước tiếp cận bài thi thông qua các bài giảng theo các chủ điểm khác nhau, đồng thời giáo trình trang bị cho sinh viên các kỹ thuật làm bài thi từ cơ bản đến nâng cao để có áp dụng trong một bài thi B1(Bậc 3 Khung năng lực Ngoại ngữ - Khung tham chiếu Châu Âu - CEFR)/PET hoàn chỉnh.

11.15 Tin học đại cương: 1 TC (1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1

Mục tiêu của học phần:

Hiểu được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản, tính toán với bảng tính và thiết kế bài thuyết trình. Sử dụng thành thạo Microsoft Word để soạn thảo được các văn bản, đồ án, luận văn, bài báo theo định dạng. Sử dụng được Microsoft Excel để thao tác được với các bảng tính, phục vụ những công việc tính toán, vẽ đồ thị thông dụng, có thể mở rộng cho việc tìm hiểu sau này. Sử dụng thành thạo Microsoft PowerPoint để tạo được bài thuyết trình, báo cáo bài tập, báo cáo đồ án, bài giảng; có thể sử dụng các hiệu ứng (âm thanh, hình ảnh, video) để tạo bài thuyết trình hiệu quả. Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập.

*Nội dung:*Học phần trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế – Quản trị kinh doanh những kiến thức cơ bản về tin học xét trên quan điểm của người ứng dụng. Học phần đề cập đến 5 khối kiến thức: một số vấn đề cơ bản về tin học và máy tính; hệ điều hành WINDOWS; soạn thảo văn bản trên máy tính; sử dụng bảng tính Excel; sử dụng các dịch vụ cơ bản của Internet. Học phần giúp sinh viên nâng cao kỹ năng sử dụng máy vi tính và các phần mềm thông dụng nhất.

11.16 Toán kinh tế 1: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những vấn đề cơ bản về tập hợp, không gian vecstơ n chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, áp dụng công thức tính định thức, giải hệ phương trình. Trình bày được những vấn đề cơ bản về đạo hàm, vi phân và tích phân. Trình bày được công thức tính giới hạn hàm số, phương pháp tính giá trị hiện tại và tương lai của tiền tệ, kỳ khoản và giá trị của luồng vốn. Trình bày nội dung về phương

trình vi phân, một số mô hình vi phân trong kinh tế. Trình bày nội dung về phương trình sai phân, một số phương trình sai phân ứng dụng trong kinh tế

Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong vụ học tập; khách quan, thận trọng khi xem xét, đánh giá các vấn đề kinh tế.

Nội dung: Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về đại số tuyến tính và giải tích toán học như: tập hợp, ma trận, định thức, hàm số, giới hạn, không gian véc-tơ số học n chiều, hệ phương trình tuyến tính, đạo hàm và vi phân, các phép toán tích phân và sai phân. Học phần còn trang bị cho sinh viên các ứng dụng của toán học trong phân tích kinh tế và tài chính: tính giá trị hiện tại và tương lai của tiền tệ, kỳ khoản và giá trị của các luồng vốn; phân tích so sánh tĩnh và phân tích động các vấn đề kinh tế.

11.17 Toán kinh tế 2: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những vấn đề cơ bản về mô hình toán kinh tế, phương pháp phân tích mô hình – phân tích so sánh tĩnh. Trình bày được lý thuyết tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng. Trình bày được mô hình tối ưu tuyến tính- bài toán quy hoạch tuyến tính. Trình bày được các mô hình quản lý dự trữ. Phân tích được các mô hình kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình cân bằng kinh tế vĩ mô, mô hình IS- LM, mô hình input- output. Áp dụng lý thuyết trò chơi để phân tích và ra quyết định các vấn đề kinh tế.

Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng phân tích các vấn đề kinh tế

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong vụ học tập; khách quan, thận trọng khi xem xét, đánh giá các vấn đề kinh tế.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những vấn đề cơ bản về mô hình toán kinh tế, lý thuyết tối ưu trong sản xuất và tiêu dùng. Học phần còn trang bị cho sinh viên các phương pháp giải các bài toán ứng dụng trong kinh tế: bài toán vận tải, bài toán quản lý dự trữ; giúp sinh viên phân tích được các mô hình trong kinh tế: mô hình cân bằng thị trường, mô hình kinh tế vĩ mô, mô hình IS – LM, mô hình Input - Output; phân tích so sánh tĩnh và phân tích động các vấn đề kinh tế. Đặc biệt học phần cung cấp những kiến thức của lý thuyết trò chơi để áp dụng trong phân tích và ra quyết định các vấn đề kinh tế.

11.18 Toàn cầu hóa: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các quan niệm về toàn cầu hóa kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế. Hiểu được khái niệm, đặc trưng và biểu hiện mới của toàn cầu hoá với tính cách là khuôn

khổ phát triển mới của nền kinh tế thế giới. Những tác động của toàn cầu hóa kinh tế đến nền kinh tế thế giới. Hiểu được các chiều hướng tiến triển của hội nhập kinh tế quốc tế trên các cấp độ: song phương, đa phương khu vực và đa phương toàn cầu. Trình bày được các xu hướng hội nhập chủ yếu của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và chính sách đối với Việt Nam. Trình bày được xu hướng hội nhập kinh tế quốc tế của các nước và vùng lãnh thổ. Hiểu được vị trí, vai trò, tính đặc thù, lộ trình và bước đi của Việt nam trong tiến trình toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Những cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập các tổ chức quốc tế.

Xác lập được năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại về toàn cầu hoá.Hình thành được khung khổ phân tích hệ thống và nhiều chiều cạnh về toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế để trên cơ sở này nhận diện được tọa độ hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam cũng như đánh giá được các lựa chọn chính sách của nước ta trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Ý thức được quyền lợi và trách nhiệm cá nhân của người học, nghiêm túc và chuyên cần trong học tập. Xác định được phương pháp tự học phù hợp, tốt nhất. Say mê tìm tòi, khám phá và hình thành những ý tưởng mới trong quá trình học tập.

*Nội dung:*Toàn cầu hoá là môn học được thiết kế để giảng dạy cho chuyên ngành quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp và kinh tế quốc tế. Môn học này trình bày các khái niệm và phạm trù căn bản về toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế, đặc trưng và biểu hiện mới của chúng trên phạm vi toàn cầu, trong khu vực và trong các quan hệ song phương. Phân tích và trình bày quá trình toàn cầu hóa ở một số khu vực, quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt nhấn mạnh đến các tiến trình hội nhập của Việt Nam nhằm giúp cho sinh viên có một cái nhìn hợp lý và thực tế nhất về sự thích ứng của một quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

11.19 Đại cương về môi trường: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những khái niệm và nội dung cơ bản về môi trường sống của con người, sự ô nhiễm môi trường và tác hại của ô nhiễm, các biện pháp bảo vệ môi trường.

Phân tích sự tác động qua lại giữa con người và môi trường, nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường.

Hình thành ý thức về bảo vệ môi trường trong đời sống hàng ngày cũng như trong các hoạt động nghề nghiệp.

*Nội dung:*Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản về môi trường sống của con người, như: Tác động qua lại giữa con người và môi trường; sự ô nhiễm môi trường và tác hại của ô nhiễm; các biện pháp bảo vệ môi trường. Trên cơ sở đó nhận

thức được rõ ý nghĩa, trách nhiệm của bản thân và cộng đồng trong vấn đề bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường sản xuất công nghiệp nói riêng.

11.20 Giáo dục thể chất 3 TC (3 TH)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu, giải thích được vị trí, ý nghĩa, tác dụng của GDTC đối với sinh viên trong trường Đại học; Cơ sở khoa học của TDTT... Làm rõ được kỹ thuật một số môn thể thao và khắc phục một số hiện tượng thường gặp trong luyện tập TDTT. Hiểu, giải thích được luật thi đấu các môn thể thao đã được học trong chương trình.

Thực hành được kỹ thuật căn bản môn thể thao mình lựa chọn. Tổ chức thi đấu, làm được trọng tài các môn thể thao đã học. Vận dụng được những điều đã học vào trong cuộc sống, tích cực tham gia các phong trào TDTT trong và ngoài trường.

Có ý thức tổ chức kỷ luật, tư cách đạo đức, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần học tập, tính trung thực, ngay thẳng; củng cố, giữ gìn và nâng cao sức khỏe.

Nội dung:

Môn học GDTC là một môn học bắt buộc trong hệ thống giáo dục quốc dân, nó góp phần trong việc đào tạo con người phát triển cân đối, toàn diện cả về đạo đức; trí tuệ; vóc giáng, thể lực; khả năng thẩm mỹ...

Sinh viên tham gia học tập theo lớp, theo thời khóa biểu chung của Nhà trường, ngoài ra sinh viên phải tự học tập, rèn luyện ngoại khóa để đạt các yêu cầu chuyên môn. Tài liệu học tập theo đề cương bài giảng dùng chung và tài liệu điện tử.

Sinh viên được phép tự chọn môn học mình yêu thích để tham gia học tập và rèn luyện, các môn học gồm: Cầu lông 1-2-3, Bóng chuyền 1-2-3, Bóng đá 1-2-3, Bóng rổ 1-2-3, Đá cầu 1-2-3.

11.21 Giáo dục QP-AN 8 TC (5LT, 3 TH)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Các kiến thức cơ bản về đường lối quân sự của Đảng trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, an ninh nhân dân; đấu tranh, phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình" bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch với cách mạng Việt Nam trong tình hình mới.

Thuần thục trong thao tác kỹ năng quân sự cần thiết, biết sử dụng một số loại vũ khí bộ binh, thành thạo trong sử dụng sóng tiểu liên AK (CKC).

Rèn luyện phẩm chất, bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, yêu CNXH; xây dựng tác phong nhanh nhẹn; hình thành nếp sống có kỷ luật trong sinh hoạt tập thể, ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác.

*Nội dung:*Môn học Giáo dục quốc phòng – an ninh trang bị một số vấn đề cơ bản của Học thuyết Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, các quan điểm về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc và vấn đề kết hợp phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng – an ninh, hiểu biết hơn về nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta và nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. Nắm được những kiến thức cơ bản về chiến lược "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. Phòng chống đich tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lương Dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia Những vấn đề về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. Bên cạnh đó môn học còn trang bị những kỹ năng quân sự cần thiết góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân - an ninh nhân dân vững mạnh.

11.22 Kĩ năng mềm 1: Phát triển cá nhân, sự nghiệp và phương pháp học tập ở đại học: 1 TC (1LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Nhận diện được khả năng và xu hướng nghề nghiệp của bản thân. Đánh giá được thể chất và tinh thần của bản thân. Nêu được các tiêu chí để bồi dưỡng và xây dựng được hình ảnh của bản thân. Trình bày được ý nghĩa và các tiêu chí nhận diện được phong cách học tập của bản thân. Giải thích được tầm quan trọng, căn cứ để lập được kế hoạch học tập. Phân tích được đặc điểm của tư duy sáng tạo. Nêu được các biện pháp để phát triển tư duy sáng tạo. Trình bày được ý nghĩa của nghe giảng và ghi nhớ để nâng cao hiệu quả học tập. Phân tích được các bước giải quyết vấn đề.

Xác định được hình ảnh mà bản thân hướng đến. Lập được kế hoạch rèn luyện để xây dựng hình ảnh bản thân. Lập được kế hoạch bồi dưỡng và phát triển cá nhân trong học tập và nghề nghiệp tương lai phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp đang theo học. Xác định được phong cách học tập của bản thân. Giải quyết được các vấn đề trong học tập và trong cuộc sống theo hướng tích cực và hiệu quả. Lập được kế hoạch học tập theo năm học, học kì phù hợp kế hoạch chung của Nhà trường. Lập được sơ đồ tư duy cho các ý tưởng của bản thân để trình bày các nội dung học tập.

Biết chấp nhận sự khác biệt của các thành viên và sẵn sàng làm việc với mọi người. Tích cực luyện tập cá nhân và hợp tác nhóm

Nội dung:

Trong xã hội hiện đại, Kĩ năng mềm ngày càng được đánh giá cao. Rất nhiều nhà tuyển dụng xem trọng những kĩ năng thiên về tính cách này và xem đây là một trong những yêu cầu tuyển dụng quan trọng. Tại các trường học, gần chục năm trở lại

đây, kĩ năng mềm đã được đưa vào giảng các trường Đại học. Điều đó cho thấy việc nhận thức tầm quan trọng của Kĩ năng mềm của ngành giáo dục nước ta.

"*Thực tế cho thấy người thành đạt chỉ có 25% là do những kiến thức chuyên môn, 75% còn lại được quyết định bởi những Kĩ năng mềm họ được trang bị"* – Wikipedia. Muốn đạt được thành công trong cuộc sống và sự nghiệp, người học phải hội tụ đủ Kĩ năng chuyên môn (Kĩ năng cứng) và Kĩ năng mềm. Nếu sở hữu được các Kĩ năng mềm chuyên nghiệp, nó sẽ đóng góp lớn vào sự thành công trong công việc. Môn học kĩ năng mềm 1 giới thiệu cho người học tầm quan trọng của nhận diện được khả năng của bản thân về thể chất, tinh thần, tính cách, xu hướng nghề nghiệp của bản thân. Trên cơ sở đó sẽ định hướng được các kế hoạch rèn luyện để bồi dưỡng khả năng của bản thân từ đó phát triển. Bên cạnh đó thì kĩ năng học tập đó là kĩ năng rất quan trọng chìa khóa để thành công. Vậy để học tập hiệu quả thì mỗi cá nhân cần phải xác định được đúng phong cách học tập của bản thân, kĩ năng nghe giảng và ghi nhớ, kĩ năng tư duy sáng tạo, kĩ năng giải quyết vấn đề và kĩ năng lập kế hoạch trong học tập.

11.23 Kĩ năng mềm 2: Giao tiếp bằng văn bản và giao tiếp công sở: 1 TC (1LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Phân biệt được thể thức, nội dung, hoàn cảnh sử dụng các loại văn bản hành chính, văn bản khoa học. Xác định được cách thức thực hiện các nghi thức giao tiếp nơi công sở. Biết cách ứng xử trong những mối quan hệ tại nơi làm việc.

Biên soạn được một số loại văn bản hành chính thông thường đúng thể thức, đảm bảo về nội dung. Lập được dàn ý cho các loại văn bản khoa học. Thực hiện đúng các nghi thức giao tiếp nơi công sở: bắt tay, chào hỏi, giới thiệu làm quen. Đề xuất và thể hiện cách ứng xử trong những tình huống giao tiếp điển hình nơi công sở.

Thể hiện sự tự tin trong thể hiện bản thân; chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm

*Nội dung:*Học phần Kĩ năng mềm 2 được giảng dạy với mục đích giúp sinh viên có được những điều kiện tốt nhất để trở thành người thành công trong học tập, công việc và cuộc sống, bên cạnh những kĩ năng chuyên môn. Học phần Kĩ năng mềm 2 là môn học giới thiệu, định hướng cho sinh viên về cách thức giao tiếp, ứng xử trong môi trường công sở - nơi làm việc của sinh viên sau khi ra trường; đồng thời, giúp họ nắm vững thể thức, nội dung một số loại văn bản hành chính, văn bản khoa học thường dùng giúp họ tự tin, chủ đông nhằm đạt được thành công trong quá trình giao tiếp.

11.24 Kĩ năng mềm 3: Điều hành cuộc họp và xử lí xung đột trong giao tiếp: 1 TC (1LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Giải thích được tầm quan trọng của đồng đội, tính tất yếu của sự hợp tác. Giải thích được các nguyên tắc giải quyết vấn đề trong làm việc đồng đội. Xác định được các mô hình làm việc đồng đội đáp ứng yêu cầu công việc cụ thể. Giải thích được các loại tính cách khác nhau trong làm việc đồng đội. Hiểu ý nghĩa, và các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc họp. Biết quy trình điều hành cuộc họp cũng như các nguyên tắc để điều hành cuộc họp hiệu quả.

Kĩ năng hiểu được người khác, kĩ năng thuyết phục. Tạo lập được môi trường làm việc đồng đội hiệu quả. Biết khích lệ người khác và điều hành được những hoạt động chung trong làm việc đồng đội. Tổ chức và điều hành cuộc họp hiệu quả.

Biết chấp nhận sự khác biệt của các thành viên và sẵn sàng làm việc với mọi người. Hợp tác và định hướng giải quyết vấn đề

*Nội dung:*Học phần kĩ năng mềm 3 giới thiệu cho người học tầm quan trọng của làm việc đồng đội và tính tất yếu của sự hợp tác, trang bị cho người học các kĩ năng làm việc đồng đội từ đó người học biết cách tạo lập môi trường làm việc đồng đội hiệu quả. Ngoài ra môn học kĩ năng mềm 3 còn giúp người học hiểu được vai trò của người điều hành cuộc họp; các nguyên tắc cơ bản khi điều hành cuộc họp; quy trình điều hành cuộc họp, từ đó rèn luyện để người học có những kĩ năng cơ bản để điều hành cuộc họp.

11.25 Kĩ năng mềm 4: Tổ chức sự kiện và xin việc làm: 1 TC (1LT)

Điều kiện tiên quyết: Không.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được định nghĩa tổ chức sự kiện, vai trò của dự toán ngân sách và lập kế hoạch tổ chức sự kiện. Phân tích được tiến trình tổ chức sự kiện và vai trò của chiến lược tổ chức sự kiện. Trình bày được ý nghĩa và cách tiến hành xác định năng lực, mục đích nghề nghiệp. Trình bày được các nguồn thu thập thông tin kiếm việc làm hiện nay. Phân tích được vai trò và cách thức chuẩn bị hồ sơ xin việc làm. Trình bày được nguyên tắc tham dự phỏng vấn xin việc làm.

Biết cách lập kế hoạch và tổ chức các sự kiện của cá nhân, tập thể (sinh nhật, lễ kỉ niệm, tổng kết, hội thi...). Viết được đơn và lý lịch xin việc theo yêu cầu của nhà tuyển dụng. Trả lời tốt các câu hỏi phỏng vấn của nhà tuyển dụng. Biết cách tổ chức và tham dự một buổi phỏng vấn xin việc làm theo đúng quy trình.

Có ý thức trách nhiệm trong học tập, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ được giao; có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm

*Nội dung:*Học phần kĩ năng mềm 4 là môn học cung cấp kiến thức và hình thành kĩ năng tổ chức sự kiện và kĩ năng xin việc làm cho sinh viên. Cụ thể, học phần giới thiệu về các loại hình sự kiện, cách lập dự toán ngân sách, lập kế hoạch tổ chức một sự kiện. Các kiến thức để hình thành kĩ năng xin việc làm: Cách đánh giá về năng lực của

bản thân, các nguồn cung cấp thông tin việc làm; cách chuẩn bị hồ sơ xin việc, viết đơn xin việc, lý lịch ứng viên, kĩ năng tham gia phỏng vấn xin việc làm. Đây là những kĩ năng rất cần thiết, giúp người học biết tổ chức một sự kiện, biết lựa chọn cho mình một công việc phù hợp, biết phát huy điểm mạnh, biết khẳng định bản thân mình với nhà tuyển dụng.

11.26 Kinh tế vi mô: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế1.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những khái niệm cơ bản của kinh tế học vi mô. Phân tích được những hoạt động kinh tế cơ bản của các thành viên kinh tế trong nền kinh tế thị trường. Vận dụng lý thuyết kinh tế vi mô để giải quyết các vấn đề kinh tế cơ bản ở các đơn vị kinh tế cơ sở.

Ứng dụng các kiến thức trong nghiên cứu kinh tế vi mô vào thực tiễn nền kinh tế.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến kinh tế.

*Nội dung:*Giới thiệu các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh. Học phần còn đề cập đến hành vi của các thành viên trong một nền kinh tế: người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Qua đó sinh viên sẽ được trang bị công cụ phân tích để hiểu và có thể áp dụng được khi học các học phần tiếp theo.

11.27 Kinh tế vĩ mô: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những khái niệm cơ bản, các qui luật và xu hướng vận động của nền kinh tế quốc dân;

Phân tích được mối liên hệ, sự biến động của các yếu tố và các chính sách kinh tế vĩ mô.

Vận dụng vào việc đánh giá hiệu quả hoạt động và điều tiết hoạt động của nền kinh tế.

*Nội dung:*Giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

11.28 Nguyên lý kế toán: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những vấn đề cơ bản về nguyên lý kế toán.

Thực hiện được các bài tập, xử lý được các tình huống liên quan tới kiến thức về nguyên lý kế toán.

Rèn luyện khả năng tư duy trước các vấn đề kinh tế, xã hội.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; Các phương pháp kế toán; Quá trình thu thập, ghi chép số liệu kế toán; Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; Các hình thức kế toán; Nội dung và hình thức tổ chức công tác kế toán.

11.29 Tài chính – Tiền tệ: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày có hệ thống những kiến thức cơ bản về lý thuyết tài chính, tiền tệ. Phân tích được những phạm trù kinh tế gắn liền với nền sản xuất và lưu thông hàng hoá. Vận dụng những công cụ, mô hình, chính sách tài chính tiền tệ để phát triển kinh tế xã hội trong nền kinh tế được tiền tệ hoá cao độ hiện nay.

*Nội dung:*Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản như: Chức năng tài chính – tiền tệ và cấu trúc hệ thống tài chính trong nền kinh tế. Hoạt động của thị trường tài chính; Các tổ chức tài chính trung gian. Hoạt động khu vực tài chính nhà nước: ngân sách và chính sách tài khoá: Hoạt động khu vực tài chính doanh nghiệp: Vốn, nguồn vốn, quản lý vốn; Hoạt động của hệ thống ngân hàng (Ngân hàng thương mại, ngân hàng trung ương) nhằm ổn định tiền tệ, cung ứng vốn, dịch vụ thanh toán cho nền kinh tế.

11.30 Marketing căn bản: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của học phần:

Có được một công cụ hiểu biết về thị trường và nhu cầu khách hàng. Trang bị cho người học những kiến thức căn bản nhất về marketing.

Phân tích được các hành vi của người tiêu dùng. Ra được các quyết định về marketing.

Tôn trọng các nguyên tắc và công cụ trong marketing. Luôn vận dụng các nguyên tắc và công cụ marketing trong hoạt động hàng ngày.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý Marketing và sự vận dụng chúng vào thực tiễn doanh nghiệp như: hệ thống

thông tin và nghiên cứu Marketing, Môi trường Marketing và thị trường các doanh nghiệp; Nhận dạng nhu cầu và hành vi khách hàng; Phương pháp luận nghiên cứu Marketing và nguyên lý ứng xử của doanh nghiệp với thị trường, gồm: các chiến lược thị trường, các chính sách Marketing căn bản và tổ chức quản trị Marketing của doanh nghiệp.

11.31 Kinh tế lượng: 3 TC (2 LT + 1 TH)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ được những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng và mô hình kinh tế

Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng thực hành phần mềm trên máy tính, kỹ năng phân tích và dự báo.

Giúp sinh viên có thái độ khách quan, thận trọng khi xem xét, đánh giá các vấn đề kinh tế.

*Nội dung:*Điều kiện tiên quyết: Xác suất - Thống kê, Kinh tế vĩ mô, Tin học đại cương.

Học phần cung cấp các kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy một phương trình, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Học phần còn trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng vào một số vấn đề kinh tế, quản trị kinh doanh cơ bản trên cơ sở sử dụnh phần mềm chuyên dùng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam.

11.32 Xác suất, thống kê trong kinh tế học: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Toán kinh tế 1, Kinh tế vi mô.

Mục tiêu của học phần:

Nắm được những nội dung cơ bản về nguyên lý thống kê. Liệt kê được các phương pháp thống kê nghiệp vụ kinh doanh. Phân tích được ưu, nhược điểm của các phương pháp thống kê.

Thành thạo các nghiệp vụ thống kê được sử dụng trong kinh tế. Có khả năng phân tích doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh của đơn vị cơ sở.

Thận trọng và khách quan khi xem xét đánh giá các vấn đề kinh tế.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của thống kê kinh tế: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp thống kê; thu thập thông tin thống kê; hình thành các nghiệp vụ xử lý và phân tích dữ liệu thống kê; vận dụng thống kê kết quả sản xuất, kinh doanh; thống kê vốn, tài sản, lao động, kết quả và hiệu quả kinh doanh tại đơn vị.

11.33 Luật kinh tế: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Pháp luật đại cương.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu được những khái niệm cơ bản của pháp luật kinh doanh. Phân tích vai trò, nghĩa vụ và địa vị pháp lý của doanh nghiệp. Soạn thảo được các hợp đồng kinh tế. Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến Pháp luật kinh tế.

Nội dung: Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật và điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính ngân hàng, luật thương mại cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp.

Nội dung: Địa vị pháp lý của các doanh nghiệp; Những nghĩa vụ kinh doanh; Quan hệ lao động trong doanh nghiệp; Chế độ hợp đồng kinh tế cách thức giao dịch, ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế; Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh tế và phá sản doanh nghiệp.

11.34 Kinh tế quốc tế: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Pháp luật đại cương.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những nội dung cơ bản của kinh tế quốc tế. Xác định rõ mối quan hệ kinh tế giữa các nước, các khu vực trên thế giới thông qua mậu dịch quốc tế, đầu tư quốc tế và tài chính quốc tế. Phát triển được các hình thức liên kết kinh tế trong và ngoài nước và mậu dịch quốc tế.

Tính toán và phân tích được tác động của các công cụ trong chính sách thương mại quốc tế. Tính được tỷ giá giữa các đồng tiền. Khả năng nghiên cứu các tổ chức liên kết kinh tế khu vực và quốc tế.

Có khả năng tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến kinh tế quốc tế.

Nội dung: Học phần kinh tế quốc tế I nghiên cứu các quy luật và xu hướng vận động của nền kinh tế thế giới, bao gồm tổng quan về nền kinh tế thế giới, các lý thuyết thương mại và chính sách thương mại quốc tế; hoạt động đầu tư quốc tế, thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái, các vấn đề về liên kết quốc tế, hội nhập quốc tế.

11.35 Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Toán kinh tế 1

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ được đối tượng, tác dụng và nội dung của Phân tích dữ liệu và dự báo kinh tế. Trình bày được các phương pháp phân tích dữ liệu kinh tế và cách thức lựa chọn mô hình. Trình bày được các phương pháp dự báo trong kinh tế, là cơ sở cho việc ra quyết đinh ở tầm vi mô và vĩ mô. Hiểu rõ mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian. Giải thích được các cơ chế liên hệ ngược, định dạng, và các quy tắc định dạng của mô hình nhiều phương trình. Mô hình hồi quy với biến phụ thuộc là rời rạc và mô hình TOBIT. Hiểu rõ nội dung mô hình VAR và đồng tích hợp. Phát hiện Các mô hình

phương sai có điều kiện thay đổi. Hiểu rõ nội dung và phát hiện được tác động của các chiến lược ngoại thương đến tăng trưởng kinh tế các nước.

Rèn luyện kỹ năng tính toán, kỹ năng thực hành phần mềm trên máy tính, kỹ năng phân tích và dự báo. Vận dụng các phương pháp tính toán trong mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian, xác định trung bình trượt tích hợp tự hồi quy.

Giúp sinh viên có thái độ khách quan, thận trọng khi xem xét, đánh giá các vấn đề kinh tế. Rèn khả năng làm việc độc lập, nâng cao khả năng tìm kiếm tài liệu thực tế.

Nội dung: Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ thuật phân tích dữ liệu; kỹ thuật ước lượng, hiệu chỉnh mô hình hồi quy, cách phân tích tính đúng đắn về mặt kỹ thuật cũng như kinh tế của mô hình. Trang bị cho sinh viên cách thức vận dụng các công cụ phân tích định lượng nhằm dự báo các vấn đề kinh tế cơ bản trên cơ sở sử dụng phần mềm chuyên dụng và cơ sở dữ liệu của Việt Nam

11.36 Quản lý nhà nước về kinh tế: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Pháp luật đại cương.

Mục tiêu của học phần:

Nêu được sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế. Ứng dụng được quản điểm hệ thống trong quản lý nhà nước về kinh tế. Phân tích được các quy luật quản lý nhà nước về kinh tế. Phân tích được các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế. Vận dụng được các công cụ quản lý nhà nước về kinh tế.

Thực hành tốt các kỹ năng thuyết trình, thu tập, xử lý thông tin, ra quyết định, thực địa, thăm quan...trong các bước thực hiện quản lý nhà nước. Hoàn thiện kỹ năng phân tích tình hình kinh tế xã hội, phân tích các nhân tố ảnh hưởng tới kinh tế. Có khả năng xây dựng kế hoạch, chiến lược và quy trình trong quản lý nhà nước về kinh tế

Hình thành được tính chính xác, tính cẩn thận và khả năng phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh.

Nội dung: Học phần này cung cấp các kiến thức căn bản về quản lí nhà nước về kinh tế,các quy luật, các nguyên tắc, công cụ, phương pháp, mục tiêu quản lí nh, chức năng quản lí nhà nước về kinh tế

11.37 Phân tích chính sách kinh tế: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vĩ mô, Pháp luật đại cương.

Mục tiêu của học phần:

Phân loại được chính sách. Phân tích được vai trò của phân tích chính sách kinh tế. Phân biệt được chính sách định tính và định lượng trong phân tích chính sách. Phân tích được các chính sách kinh tế vĩ mô cơ bản. Nêu được các mô hình phát triển kinh tế. Phân tích được các chính sách kinh tế của nhà nước.

Có khả năng thuyết trình trước đám đông về một chủ đề xác định. Có khả năng làm việc nhóm hiệu quả. Vận dụng các kiến thức tổng hợp để phân tích các chính sách kinh tế. Có thái độ tích cực, nghiêm túc khi phân tích chính sách kinh tế

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: Quá trình hoạch định chính sách kinh tế - xã hội; Tổ chức thực thi và phân tích chính sách kinh tế - xã hội; Các chính sách tài chính, tiền tệ, kinh tế đối ngoại, khoa học công nghệ, quản lý nguồn nhân lực và việc làm, giáo dục, văn hóa.

11.38 Quản trị học: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được định nghĩa quản trị; mô hình qủan trị, mục đích của nhà quản trị, khái niệm quyết định quản trị, quá trình ra quyết định quản trị. Có được một công cụ nghiên cứu các quan hệ phát sinh trong quá trình hoạt động của các tổ chức. Trình bày được các chức năng quản trị.

Sử dụng thành thạo các công cụ ra quyết định tập thể. Lập được kế hoạch tác nghiệp. Xây dựng được cơ cấu tổ chức triển khai thực hiện một công việc. Xây dựng được nhóm làm việc hiệu quả.

Tôn trọng các nguyên tắc và quy luật cơ bản của quản trị trong cuộc sống. Luôn vận dụng các nguyên tắc và quy luật cơ bản của quản trị trong hoạt động thực tiễn.

*Nội dung:*Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: Khái niệm và bản chất của quản trị; Nhà quản trị; Môi trường quản trị; Các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); Các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, giám đốc/điều hành và kiểm tra/kiểm soát. Học phần cũng cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới/thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của một doanh nghiệp.

11.39 Quản trị nhân lực: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Hiểu được vai trò và các nội dung của công tác quản trị nhân lực trong tổ chức. Phân tích được quy mô, cơ cấu của bộ phận nguồn nhân lực. Nắm được các phương pháp thiết kế và phân tích công việc. Phân tích được các nội dung công tác kế hoạch hóa nguồn nhân lực. Hiểu được quá trình tuyển mộ và tuyển chọn nhân lực trong tổ chức. Phân tích được khái niệm thuyên chuyển, đề bạt, xuống chức. Nắm được thế nào là tạo động lực và phân tích được các phương hướng tạo động lực trong lao động. Phân tích được ưu điểm và hạn chế của các phương pháp đánh giá thực hiện công việc. Hiểu được quy trình đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp. Phân tích

được những yếu tố ảnh hưởng đến thù lao động lao động. Hiểu được cách xây dựng thang lương, bảng lương. Phân tích được các hình thức trả công trong doanh nghiệp. Hiểu được các khuyến khích tài chính sử dụng trong doanh nghiệp. Phân tích được các phúc lợi xã hội được sử dụng trong doanh nghiệp. Phân tích được cách phòng ngừa và quy trình giải quyết các tranh chấp lao động. Nắm được hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể. Hiểu được nguyên nhân vi phạm kỷ luật và quy trình giải quyết kỷ luật lao động.

Rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ về công tác quản trị nhân lực. Rèn luyện các kỹ năng mềm đòi hỏi cần phải có của người làm công tác quản trị nhân lực.

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về vai trò của quản trị nhân sự trong tổ chức, chiến lược của tổ chức và quản lý nhân sự, cơ sở luật pháp về nhân sự , tuyển chọn và bố trí lao động, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nhân lực, thù lao và các phúc lợi dịch vụ cho người lao động, các quan hệ lao động và những vấn đề liên quan.

11.40 Quản trị tài chính: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, Nguyên lý kế toán.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được bản chất của các vấn đề quản trị tài chính, các công thức tính giá trị theo thời gian của tiền, cách xác đinh doanh lợi và rủi ro, các công thức định giá cổ phiếu, trái phiếu. Trình bày được các nội dung về chi phí vốn và đòn bẩy, quản trị vốn cố định, vốn lưu động trong doanh nghiệp. Các kiến thức về đầu tư dài hạn và các phương pháp huy động vốn trong doanh nghiệp. Hiểu và biết cách lập các báo cáo tài chính. Trình bày được các phương pháp phân tích tài chính.

Tính toán được giá trị hiện tại và tương lai của các khoản tiền, xác định được doanh lợi và rủi ro, định giá được giá trị của cổ phiếu trái phiếu của các doanh nghiệp. Tính toán được các chi phí sử dụng vốn trong từng trường hợp cụ thể. Đánh giá được các phương án đầu tư và đưa ra được các quết định kinh doanh trong dài hạn. Đánh giá được hiệu quả sử dụng vốn lưu động và vốn cố định trong doanh nghiệp. Lập được các báo cáo tài chính và thông qua các báo cáo tài chính phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

Phát triển tư duy nhận thức của sinh viên trong các vấn đề liên quan đến tài chính doanh nghiệp, trên cơ sở đó sinh viên đi sâu nghiên cứu và ứng dụng kiến thức đó vào thực tế để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản, các kỹ năng phân tích trong quá trình ra quyết định về tài chính. Các chủ đề bao gồm phân tích rủi ro, lập kế hoạch tìa chính, cơ cấu vốn, lượng giá và chi phí vốn.

11.41Kế toán quản trị: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị;

Phân biệt được sự khác nhau và mối liên hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị, giữa chi phí và giá thành trong kế toán quản trị.

Xây dựng được các phương pháp tính giá, phương pháp dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định

*Nội dung:*Học phần cung cấp những thông tin cơ bản về: Bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; sự khác biệt và mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; Các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị. Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp tính giá, phương pháp lập dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

11.42 Quản trị doanh nghiệp: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Các học phần cơ sở khối ngành, cơ sở ngành.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những khái niệm và nội dung cơ bản, một cách có hệ thống về quản trị doanh nghiệp.Xác định rõ vai trò, vị trí và các chức năng của từng bộ phận quản trị trong doanh nghiệp. Nắm vững những kỹ năng cần thiết và những vai trò cơ bản của nhà quản trị trong doanh nghiệp. Đánh giá, lựa chọn được một mô hình tổ chức bộ máy phù hợp với loại hình doanh nghiệp cụ thể. Vận hành tốt một số lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp như: quản trị nhân sự, quản trị cung ứng, quản trị marketing, quản trị chất lượng, hoạch định kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức cơ bản về phương pháp luận và nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp: các vấn đề chung về quản trị doanh nghiệp, cấp quản trị, chức năng và lĩnh vực quản trị doanh nghiệp; phân cấp phân quyền và uỷ quyền trong quản trị doanh nghiệp; thông tin, qui định, hoạch định chương trình và giám đốc điều hành doanh nghiệp; quản trị nhân sự và kỹ thuật công nghệ trong doanh nghiệp; quản trị marketing; quản trị kết quả kinh doanh và quản trị các chính sách tài chính trong doanh nghiệp

11.43 Quản trị chất lượng: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Phân tích được ưu và nhược điểm các mô hình quản lý chất lượng tiến tiến đang được áp dụng trong thực tiễn. Thực hành được các hoạt động trong lĩnh vực quản lý chất lượng của các doanh nghiệp, tổ chức. Phân tích, đánh giá và cải tiến được hoạt động quản lý chất lượng trong các doanh nghiệp và tổ chức. Nâng cao khả năng sử dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn hoạt động quản lý.

Nội dung: Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về khách hàng, chất lượng sản phẩm, quản lý chất lượng. Trang bị kiến thức cơ bản về các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như: ISO 9000, TQM… và vận dụng trong tổ chức quy trình quản lý chất lượng tại các doanh nghiệp, tổ chức. Lý thuyết về các triết lý chất lượng, các mô hình đánh giá chi phí chất lượng, phương pháp xác định và sử dụng các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả, công tác tiêu chuẩn hoá, công tác đo lường, công tác kiểm tra chất lượng, và vận dụng trong hoạt động quản lý chất lượng các doanh nghiệp, tổ chức. Trang bị các công cụ phân tích thống kê, các công cụ tác nghiệp khác trong quản lý chất lượng.

11.44 Quản trị sản xuất và tác nghiệp: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Sau khi học xong học phần này, học viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị sản xuất trong doanh nghiệp như quản trị nguyên vật liệu, quản trị dự án sản xuất, điều độ sản xuất, lập lịch trình sản xuất...

Học xong học phần, học viên có được những kỹ năng cần thiết về quản trị có hiệu quả quá trình sản xuất trong doanh nghiệp.

Học xong học phần, học viên biết vận dụng những kiến thức trên vào điều kiện thực tế của các doanh nghiệp hiện nay.

Nội dung: Học phần cung cấp những khái niệm và nguyên tắc cơ bản về công tác tổ chức, điều hành quá trình sản xuất trong doanh nghiệp, từ công tác dự báo, thiết kế sản phẩm, hoạch định công suất, lựa chọn địa điểm, hoạch định nhu cầu vật tư...Học phần này cũng cung cấp các kiến thức và phương pháp ra quyết định tác nghiệp như sắp xếp lịch trình sản xuất, bố trí công việc, công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động sản xuất. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho người học kỹ năng thực hành một số nội dung cơ bản của quản trị sản xuất trên cơ sở sử dụng phần mềm và máy tính.

11.45Chứng khoán: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày có hệ thống những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán. Phân tích được những tác động ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của thị trường chứng khoán. Vận dụng những công cụ tính toán để phân tích đưa ra những quyết định bước đầu về đầu tư chứng khoán.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, những cơ sở lý luận và những kiến thức chuyên môn về cơ chế tổ chức và hoạt động của thị trường chứng khoán, bao gồm cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, từ đó giúp sinh viên có khả năng nghiên cứu sâu hơn và tham gia tác nghiệp trên thị trường chứng khoán. Gồm: Tổng quan về Thị trường chứng khoán; chứng khoán; chị trường chứng khoán sơ cấp; sở giao dịch chứng khoán.

11.46Kinh doanh quốc tế: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Nêu được các yếu tố văn hóa, chính trị luật pháp trong kinh doanh quốc tế, quá trình phân tích cơ hội kinh doanh quốc tế. Phân tích các học thuyết thương mại quốc tế, các nguyên tắc và ứng dụng của thương mại quốc tế. Giải thích được sự khác nhau giữa các hình thức thâm nhập thị trường quốc tế từ đó đưa ra được các giải pháp kế toán quốc tế hiệu quả đối với một tình huống cụ thể.

Ứng dụng các kiến thức trong nghiên cứu văn hóa, chính trị luật pháp, phân tích các cơ hội kinh doanh và đưa ra cách thức lựa chọn các phương thức khác nhau trong thâm nhập thị trường quốc tế.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh quốc tế.

*Nội dung:*Học phần đề cập đến các vấn đề trong môi trường kinh doanh quốc tế, vai trò và tác động của các yếu tố chính sách, đầu tư, công nghệ, văn hoá kinh doanh quốc tế, các thách thức đối với các doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế, những vấn đề quan trọng liên quan đến các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia, phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích, giải quyết vấn đề mang tính toàn cầu của doanh nghiệp, biết đánh giá rủi ro của một ngành công nghiệp tại một quốc gia bất kỳ.

11.47Quản trị cung ứng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: các học phần cơ sở khối ngành và cơ sở ngành.

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức trong phạm vi hoạt động quản lý về chuỗi cung ứng của Nhà nước và doanh nghiệp; Các phương pháp và công cụ trong hoạt động quản lý chuỗi cung ứng.

Rèn luyện các kỹ năng về đánh giá, lựa chọn và phát triển chuỗi cung ứng trong sản xuất kinh doanh của các DN và trong quản lý Nhà nước về chuỗi cung ứng.

Nâng cao khả năng sử dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn quản lý tại doanh nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về cung ứng và quản trị cung ứng; tổ chức trong quản tri cung ứng; quy trình nghiệp vụ cung ứng; mua sắm trang thiết bị sản xuất, dịch vụ; xác định nhu cầu vật tư và dự báo nhu cầu vật tư; ứng dụng máy tính và thương mại điện tử trong cung ứng vật tư; đàm phán trong hoạt động cung ứng và vận tải.

11.48Hành vi của tổ chức: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Sau khi đã kết thúc các học phần cơ sở khối, ngành.

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức về con người, hành vi của cá nhân trong nhóm và trong tổ chức

Phân tích bản chất của hành vi các tổ chức trong thực tế, điều chỉnh hành vi cá nhân để thích nghi với môi trường tổ chức.

Rèn luyện sự tích cực trong việc quan sát và giải thích hành vi của tổ chức.

*Nội dung:*Học phần này trang bị cho sinh viên kỹ năng nhân sự (kỹ năng con người), đây là một trong những kỹ năng quan trọng quyết định sự thành công của nhà quản trị, nghiên cứu hành vi tổ chức giúp họ hoàn thiện kỹ năng này. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức những ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Nghiên cứu hành vi tổ chức được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức.

11.49Giao dịch và đàm phán kinh doanh: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Văn hóa kinh doanh, Quản trị học, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những nội dung cơ bản của giao dịch và đàm phán kinh doanh. Xác định rõ mối quan hệ kinh tế giữa giao dịch và đàm phán kinh doanh. Phát triển được kỹ năng tổ chức đàm phán kinh doanh.

Khả năng phân tích được các các tình huống trong đàm phán kinh doanh. Khả năng nghiên cứu các phương thức đàm phán kinh doanh.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến giao dịch và đàm phán kinh doanh.

*Nội dung:*Học phần trang bị những kiến thức lý luận, phương pháp luận và các kỹ năng thực hành cơ bản về giao dịch và đàm phán kinh doanh như: những nguyên lý giao dịch và đàm phán kinh doanh; kỹ năng giao tiếp đa phương tiện và lễ nghi; tâm lý giao dịch đàm phán; văn hoá giao dịch và đàm phán kinh doanh; nội dung và các chiến

lược trong đàm phán kinh doanh; hoạt động chuẩn bị và tổ chức đàm phán kinh doanh; quyết định đàm phán và cơ sở pháp lý của giao dịch, đàm phán kinh doanh.

11.50 Quản lý công nghệ: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức trong phạm vi hoạt động quản lý về công nghệ của Nhà nước và doanh nghiệp; Các phương pháp và công cụ trong hoạt động quản lý công nghệ.

Rèn luyện các kỹ năng về đánh giá, lựa chọn và phát triển công nghệ trong sản xuất kinh doanh và trong quản lý Nhà nước về công nghệ.

Nâng cao khả năng sử dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn quản lý tại doanh nghiệp.

Nội dung: Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về công nghệ và quản lý công nghệ. Trang bị kiến thức cơ bản trong hoạt động quản lý công nghệ như: phân tích môi

trường công nghệ, phân tích năng lực, đánh giá và lựa chọn công nghệ… Giới thiệu các phương pháp và kinh nghiệm trong đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với hoạt động quản lý cấp doanh nghiệp và cấp Nhà nước.

11.51 Phân tích hoạt động kinh doanh: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các nội dung cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh như: Khái niệm, tác dụng, nội dung, phương pháp và quy trình phân tích hoạt động kinh doanh. Hiểu rõ các phương pháp phân tích dùng trong phân tích kết quả sản xuất, phân tích các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tài chính doanh nghiệp.

Vận dụng các phương pháp phân tích có thể phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh tại một doanh nghiệp cụ thể. Từ thực trạng phân tích có thể nhận biết được các nhân tố tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, phát hiện ra nguyên nhân từ đó đề xuất giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Hình thành được tính chính xác, tính cẩn thận và khả năng phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh.

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh như: khái quát về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, tình hình sản xuất kinh doanh; tình hình tiêu thụ, lợi nhuận; tình hình tài chính của doanh nghiệp... để từ đó đưa ra những quyết định hợp lý.

11.52 Thương mại điện tử: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Tin học đại cương, Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những khái niệm cơ bản về thương mại điện tử và các mô hình thương mại điện tử. Xác định được các giai đoạn phát triển một doanh nghiệp thương mại điện tử về giao dịch mua bán và thanh toán trực tuyến.

Vận dụng các mô hình thương mại điện tử trong liên kết các doanh nghiệp và quản trị khách hàng trong thương mại điện tử.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến thương mại điện tử

*Nội dung:*Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về thương mại điện tử; cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ sở pháp lý, mạng và cơ sở dữ liệu của thương mại điện tử; an ninh thương mại điện tử; thương mại điện tử giữa doanh nghiệp với người tiêu dùng, với doanh nghiệp khác; sàn giao dịch thương mại điện tử; marketing điện tử; thanh toán trong thương mại điện tử; các ứng dụng khác trong thương mại điện tử.

11.53 Kinh tế và quản lý công nghiệp: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học, quản trị doanh nghiệp

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những nội dung cơ bản của xây dựng và phát triển công nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh công nghiệp và những kiến thức nghiệp vụ quản lý kinh tế trong lĩnh vực công nghiệp;

Xác định được tính quy luật của quá trình phát triển sản xuất kinh doanh công nghiệp và làm được các bài tập về hiệu quả kinh tế trong phát triển công nghiệp;

Phát triển các kỹ năng quản lý vĩ mô trong kinh tế ngành và kỹ năng quản lý vi mô trong các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nội dung, quá trình, tính quy luật và chiến lược trong phát triển sản xuất công nghiệp; những kiến thức cơ bản về chuyên môn hoá, đa dạng hoá, liên kết kinh tế và tổ chức sản xuất trên lãnh thổ trong sản xuất công nghiệp; những kiến thức cơ bản về quản lý Nhà nước trong sản xuất công nghiệp; mở rộng xem xét thực trạng và xu thế phát triển của công nghiệp Việt Nam.

11.54 Lập và quản lý dự án đầu tư: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Thương mại điện tử

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những kiến thức cơ bản về lập và quản lý dự án. Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến việc lập và quản lý dự án.

Vận dụng vào quản lý đầu tư theo dự án, nâng cao hiệu quả đầu tư, cả trên phương diện tài chính cũng như hiệu quả kinh tế xã hội.

Rèn luyện khả năng làm việc nhóm, ... và làm việc theo dự án.

Nội dung: Học phần cung cấp những hiểu biết và kiến thức cơ bản lý luận chung về đầu tư, dự án đầu tư, trình bày các nội dung cần nghiên cứu khi lập dự án đầu tư; Một số vấn đề về thẩm định và quản trị đấu thầu dự án đầu tư; Công tác quản lý dự án và ứng dụng phần mềm microsoft project và lập và quản lý dự án.

11.55 Quản trị chiến lược: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Các học phần kiến thức cơ sở khối ngành và ngành.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu được các khái niệm, các yếu tố hợp thành chiến lược của một doanh nghiệp. Nắm bắt được tiến trình quản trị chiến lược trong một doanh nghiệp. Hiểu được các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến quá trình thiết lập, lựa chọn và triển khai thực hiện chiến lược một doanh nghiệp. Ứng dụng những vấn đề lý thuyết được trình bày trong học phần vào việc hoạch định, tổ chức triển khai cũng như kiểm soát chiến lược cho một doanh nghiệp. Phân tích, nhận dạng và đưa ra các quyết định manh tính chiến lược trong một doanh nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

11.56 Hệ thống thông tin quản lý: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp, Quản lý công nghệ

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ được phương pháp, cách thức tiến hành việc phân tích, vận hành hệ thống thông tin quản lý của doanh nghiệp một cách hiệu quả. Tham gia phát triển hệ thống thông tin quản lý trong doanh nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về: các bộ phận cấu thành hệ thống thông tin; công nghệ thông tin với hệ thống thông tin quản lý; phân tích, thiết kế và cài đặt hệ thống thông tin; trình bày các hệ thống thông tin phục vụ doanh nghiệp

11.57 Quản trị bán hàng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản.

Mục tiêu của học phần:

Nắm bắt được các khái niệm và kiến thức và kỹ năng cơ bản về bán hàng, chăm sóc khách hàng và quản trị bán hàng. Xây dựng được kế hoạch bán hàng. Tuyển chọn,

huấn luyện, thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp. Quản trị đội ngũ bán hàng

*Nội dung:*Học phần giúp sinh viên giải quyết các vấn đề liên quan đến thiết kế kênh phân phối, bên cạnh kênh truyền thống, ngày nay còn xuất hiện những kênh phân phối hiện đại với sự hỗ trợ của thiết bị kỹ thuật. Thiết kế, lựa chọn và phối hợp các kênh phân phối như thế nào để sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện nhất về mặt không gian và thời gian, đó là những quyết định mang tính chiến lược. Bên cạnh thiết kế kênh nhà quản trị kênh phải tổ chức, xây dựng các chính sách để hỗ trợ và duy trì các thành viên trong kênh, hạn chế tối đa những xung đột có thể xảy ra giữa các thành viên trong kênh.

11.58 Đồ án khởi sự kinh doanh: 3 TC (3 ĐA)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các vấn đề cơ bản về nghề kinh doanh và doanh nhân. Trình bày được các bước hình thành ý tưởng kinh doanh. Mô tả được bước đầu của hoạt động kinh doanh. Nắm được các vấn đề cơ bản về soạn thảo kế hoạch kinh doanh. Trình bày được phần giới thiệu về kế hoạch kinh doanh. Trình bày được sự cần thiết thực hiện kế hoạch kinh doanh. Đưa được ra phương án kinh doanh. Xác định được địa điểm và công nghề. Trình bày được các vấn đề cơ bản về tài chính. Nắm được các kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý. Trình bày được phần kết luận và kiến nghị. Nắm được cách thức soạn thảo kế hoạch kinh doanh. Nắm được cách thức thành lập một doanh nghiệp. Trình bày được cách thức triển khai hoạt động kinh doanh.

Luyện tập và hoàn thành được một bản kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng được kỹ thuật viết kế hoạch kinh doanh vào thực hiện luận văn tốt nghiệp.

Rèn luyện óc tư duy, quan sát, sự hợp tác, linh hoạt trong hoạt động thực tế. Hình thành và phát triển được các tư duy kinh doanh

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu gắn với nội dung của khởi sự doanh nghiệp, các vấn đề mà người chủ doanh nghiệp cần thấu hiểu và thực hiện khi điều hành hoạt động của một doanh nghiệp như: Phương pháp luận và những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, khởi sự kinh doanh. Các kỹ năng khởi sự doanh nghiệp, lập kế hoạch kinh doanh thông qua việc nghiên cứu những tình huống thực tế ở các doanh nghiệp trên thế giới và các doanh nghiệp ở Việt Nam.

11.59 Tiếng anh chuyên ngành: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp, Tiếng Anh 3A - Luyện thi B1

Mục tiêu của học phần:

Nắm được các kiến thức nhất định về các hoạt động trong môi trường kinh doanh thương mại như: kinh doanh trực tuyến (selling online), marketing, quản lý nhân sự (managing people), đề ra và thực hiện một kế hoạch (planning), cách giải quyết các mâu thuẫn trong một công ty (conflict) v.v… Có khả năng hiểu, sử dụng và vận dụng được các thuật ngữ, khái niệm, các cấu trúc tương đối phức tạp vào biên dịch, phiên dịch các tài liệu liên quan đến kinh tế, thương mại.

Có kỹ năng xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến kinh tế, thương mại, marketing, nhân lực, sản xuất, chất lượng, tài chính, phát triển được nghiệp vụ. Soạn thảo được các thư điện tử (an email); viết thư (a letter); viết báo cáo (a report); viết kiến nghị a recommendation); viết tài liệu quảng cáo trong hoạt động kinh doanh (a sales leaflet) và có thể thảo luận và trình bày các chủ đề có liên quan đến kinh tế thương mại.

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

Nội dung: Tiếng Anh Kinh tế là môn học cung cấp những kiến thức kinh doanh cơ bản, trau dồi kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ giao dịch kinh doanh cho sinh viên trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Các chủ đề về kinh doanh được lựa chọn đề cập rất phong phú như việc bán lẻ hàng hoá, phát triển sản phẩm, phương pháp tiếp thị...với nội dung rất sát thực được cập nhật từ các báo, tạp chí kinh doanh.

Thông qua các chủ đề thú vị và sát thực, môn học giới thiệu vốn từ vựng kinh doanh phong phú, đa dạng, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được vào công tác biên phiên dịch các tài liệu kinh tế. Các chủ đề đó bao gồm: Thương hiệu, cơ cấu tổ chức, các vấn đề liên quan đến tiền, quảng cáo, văn hóa kinh doanh, việc làm, mậu dịch, chất lượng sản phẩm, đạo đức kinh doanh, lãnh đạo, sự đổi mới, cạnh tranh

11.60Thanh toán quốc tế: 2 TC (2 LT)

*Điều kiện tiên quyết:*Quản trị học, Nguyên lý kế toán

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ những kiến thức cơ bản về tỷ giá hối đoái, chính sách tỷ giá, các nghiệp vụ hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế. Hiểu rõ nội dung và quy trình thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế. Lựa chọn các điều kiện và phương tiện thanh toán để giải quyết một số tính huống trong thanh toán quốc tế.

Quy đổi được các tỷ giá hối đoái. Lập được các loại hối phiếu trong thanh toán quốc tế. Lựa chọn các phương thức thanh toán phù hợp với một doanh nghiệp cụ thể.

Chăm chỉ học tập, Có thái độ tích cực xây dựng bài

*Nội dung:*Học phần tranh bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ thanh toán trong các giao dịch xuất nhập khẩu; những

kiến thức cơ bản của Học phần bao gồm: các kiến thức về tỷ giá và thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán, các phương tiện và phương thức thanh toán chủ yếu và các nghiệp vụ tín dụng, tài trợ thương mại trong ngoại thương; những vấn đề cơ bản về thị trường ngoại hối, về cán cân thanh toán quốc tế và các hình thức tín dụng quốc tế chủ yếu trên giác độ ngoại thương.

11.61Bảo hiểm: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật đại cương, Tài chính – tiền tệ.

Mục tiêu của học phần:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản của bảo hiểm doanh nghiệp trên cơ sở nghiên cứu những nội dung cơ bản của một số loại hình bảo hiểm như : Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại, bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, bảo hiểm hỏa hoạn…

Biết cách áp dụng các kỹ năng, nghiệp vụ trong công tác bảo hiểm xã hội, y tế, hỏa hoạn ..... theo cách chuyên nghiệp, hiện đại;

Phát triển khả năng tự học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, làm việc theo nhóm và khả năng trình bày trước đám đông.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về bảo hiểm cho sinh viên ngành kế toán: lý thuyết về rủi ro và rủi ro có thể bảo hiểm; các vấn đề lý luận mang tính nguyên tắc của bảo hiểm; các vấn đề mang tính nguyên tắc của hợp đồng bảo hiểm; đặc điểm, nguyên tắc chung của các loại hình bảo hiểm (bảo hiểm con người, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm TNDS); kiến thức về thị trường bảo hiểm Việt Nam và thế giới; nội dung các loại hình bảo hiểm thiết yếu đối với hoạt động của các cá nhân và các tổ chức kinh tế – xã hội Việt Nam.

11.62 Quản trị ngân hàng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính.

Mục tiêu của học phần:

Giúp sinh viên có được cái nhìn toàn diện về tổ chức, hoạt động của ngân hàng và nắm được những kiến thức nền tảng về các nghiệp vụ ngân hàng như : huy động vốn, cho vay, chiết khấu, bảo lãnh, bao thanh toán, cho thuê tài chính và các nghiệp vụ khác

Bên cạnh cung cấp những kiến thức cơ bản liên quan đến các hoạt động ngân hàng, môn học còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết trong việc tính lãi (tiền gửi và tiền vay), quản trị hồ sơ và sau khi kết thúc môn học sinh viên có thể đảm trách được các công việc của một nhân viên ngân hàng.

Rèn luyện tính trung thực trong phát hiện và nhận dạng các vấn đề có liên quan đến kinh tế, tài chính và quản trị.

Sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc và chuyên cần, tích cực trong việc tự nghiên cứu và cập nhật những kiến thức mới.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành trong quản trị vốn tự có và sự an toàn; Tài sản Nợ; Tài sản Có; các loại rủi ro tín dụng; rủi ro lãi suất; rủi ro thanh khoản; rủi ro tỷ giá hối đoái và lĩnh vực tài chính của các Ngân hàng Thương mại và các tổ chức tín dụng khác ở các nước tiên tiến trên thế giới và tại Việt Nam.

11.63 Tài chính công: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu rõ được các khái niệm, quy tắc cơ bản trong Tài chính quốc gia và quản lý tài chính ở các đơn vị công. Hiểu rõ các vai trò và nguyên tắc thực hiện trong Thu-chi và cán cân ngân sách quốc gia, những ảnh hưởng và điều tiết của Chính phủ trong nền kinh tế vĩ mô. Hiểu và nắm được cấu trúng hình thành của tài chính công. Nắm được các chức năng và vai trò của tài chính công. Nắm vững được bản chất, hệ thống, phân cấp NSNN, thu chi NSNN, cân đối NSNN và quản lý quỹ NSNN qua KBNN. Nội dung thu, chi và quyết toán thu - tài chính đối với các đơn vị hành chính sự nghiệp, nội dung cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính của cơ quan Nhà nước. Nội dung đổi mới cơ chế tự chủ tài chính trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Những vấn đề chung về các quỹ TCC ngoài NSNN, Các quỹ tài chính công ngoài NSNN. Nội dung hoạt động của TDNN, Quản lý nợ vay trong nước của Chính phủ, Quản lý nợ vay nước ngoài của Quốc gia.

Phân tích, nhận dạng và đưa ra các quyết định để giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

Rèn luyện tính trung thực trong phát hiện và nhận dạng các vấn đề có liên quan đến kinh tế vĩ mô, vai trò của Chính phủ.

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức: Những vấn đề cơ bản về tài chính công, hệ thống ngân sách nhà nước, phân tích hệ thống thuế.Đồng thời, người học được tiếp cận đến các hoạt động thực tế của Chính phủ trong việc quản lý chi tiêu công và vai trò điều tiết nền kinh tế thông qua ngân sách Nhà nước.

11.64 Đầu tư quốc tế: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức tổng quan về đầu tư nước ngoài (trọng tâm là đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI) và các loại hình đầu tư nước ngoài trên thế giới. Phân tích được ảnh hưởng của đầu tư quốc tế theo những chiều hướng khác nhau đến nước tiếp nhận đầu tư và cả cho nước đi đầu tư. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng

đến FDI. Cụ thể là những lợi ích và tổn thất khi có hoạt động FDI xảy ra cho cả nước đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư.

Kỹ năng tư duy về bản chất hoạt động đầu tư nước ngoài và có kỹ năng phân tích những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực của hoạt động đầu tư nước ngoài cho cả nước tiếp nhận đầu tư và nước đầu tư. Có khả năng ứng dụng vào phân tích các tình huống đầu tư thực tế của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hay công ty đa quốc gia.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế

*Nội dung:*Học phần đề cập đến những nội dung: đặc điểm, tác động và xu hướng của đầu tư quốc tế, các lý thuyết liên quan về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế, các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế và các hiệp định đầu tư quốc tế.

11.65 Phân tích đầu tư: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Lập và quản lý dự án đầu tư

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động đầu tư và một số mô hình phân tích đầu tư.

Trình bày được các tác động của đầu tư đến nền kinh tế vĩ mô và đến doanh nghiệp; Các nguyên tắc và các phương pháp xác định giá trị của tài sản đầu tư. Trình bày được cáckiến thức cơ bản về phân tích các phương án đầu tư theo các kịch bản khác nhau trong đó tập trung ở phân tích quy mô đầu tư, cơ cấu đầu tư, phân tích đa tiêu chí.

Áp dụng được các mô hình trong phân tích đầu tư. Đánh giá được được các tác động của hoạt động đầu tư đến nền kinh tế và doanh nghiệp. Vận dụng các phương pháp xác định giá trị của các tài sản đầu tư. Phân tích các quyết định đầu tư để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

Phát triển tư duy nhận thức của sinh viên trong các vấn đề liên quan kinh tế đầu tư, trên cơ sở đó sinh viên đi sâu nghiên cứu và ứng dụng kiến thức đó vào thực tế để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

*Nội dung:*Môn Phân tích đầu tư là môn học chuyên sâu của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Môn học này cung cấp những vấn đề cơ bản về hoạt động đầu tư và các mô hình phân tích sẽ được áp dụng trong đầu tư. Phân tích các tác động của đầu tư ở tầm vĩ mô (nền kinh tế quốc dân) và tầm vi mô (đến doanh nghiệp). Các nguyên tắc và các phương pháp xác định giá trị của tài sản đầu tư. Phân tích các phương án đầu tư theo các kịch bản khác nhau trong đó tập trung ở phân tích quy mô đầu tư, cơ cấu đầu tư, phân tích đa tiêu chí.

11.66 Kinh tế Việt Nam: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên về những biến đổi sâu sắc và toàn diện của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Giúp sinh viên xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu của môn kinh tế Việt Nam. Trình bày được khái niệm và các nguồn lực phát triển kinh tế bao gồm nguồn nhân lực, nguồn lực vốn, nguồn lực khoa học công nghệ, nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác. Phân tích được thực trạng các nguồn lực phát triển kinh tế của Việt Nam. Phân tích được những nhân tố tác động đến sự hình thành và hoàn thiện thể chế; và chức năng của thể chế kinh tế. Trình bày được thực trạng thể chế kinh tế của Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Trình bày được khái niệm và các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế. Phân tích được thành tựu và hạn chế về tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Trình bày được những quan niệm và nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phân tích được nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam đến năm 2020. Xác định được vai trò của chính sách tài khóa, quá trình cải cách hệ thống thuế trong thời kỳ đổi mới. Phân tích được thực trạng thu chi ngân sách, thâm hụt và bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Trình bày được các chức năng và công cụ của chính sách tiền tệ cảu Ngân hàng Nhà nước. Phân tích quá trình điều hành chính sách tiền tệ và tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam. Phân tích được những thành tựu và hạn chế của chính sách giáo dục và đào tạo. Phân tích được những thành tựu và hạn chế của chính sách lao động việc làm, chính sách an sinh xã hội. Xác định được những đặc trưng chủ yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Phân tích những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của nó đến kinh tế Việt Nam. Phân tích được những đặc điểm và vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam. Trình bày được những thành tựu, hạn chế và các biện pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp Việt Nam.

Vận dụng và đánh giá các sự kiện kinh tế, quá trình chuyển biến của nền kinh tế– Việt Nam trong mối quan hệ mang tính lịch sử và lôgíc để hình thành tư duy khoa học như điều kiện cần thiết để đi sâu nghiên cứu giải quyết những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế ngành. Nhận thức được xu hướng và những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế thị– trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Hình thành được óc tu duy khoa học về các vấn đề và sự kiện kinh tế

*Nội dung:*Học phần Kinh tế Việt Nam nghiên cứu về quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực trạng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay). Nội dung bao gồm các vấn đề về nguồn lực phát triển kinh tế, thể chế kinh tế,

thực trạng tăng trưởng kinh tế, chính sách và tình hình phát triển của các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế. Học phần Kinh tế Việt Nam làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam khi chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

11.67 Đầu tư tài chính: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính.

Mục tiêu của học phần:

Nắm vững lý thuyết đầu tư tài chính hiện đại trong quản lý danh mục. Nắm vững nguyên tắc và mục tiêu của quản trị danh mục đầu tư của các nhà đầu tư tổ chức.

Phải biết phân tích và dự báo rủi ro và tỷ suất sinh lợi trong quản lý danh mục đầu tư. Vận dụng các lý thuyết đầu tư tài chính trong điều kiện thực tiễn.

Có khả năng tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến đầu tư tài chính

*Nội dung:*Đây là môn học cung cấp những kiến thức đầu tư hiện đại liên quan đến các lý thuyết tài chính và những chứng cứ thực nghiệm để đưa ra một quyết định đầu tư.Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về các công cụ đầu tư, phân tích ngành, định giá doanh nghiệp và cổ phiếu, phân tích và định giá trái phiếu, phân tích và định giá chứng khoán phái sinh, phân tích kỹ thuật. Từ đó học viên có thể vận dụng trong hoạt động đầu tư tại bộ phận tự doanh của công ty chứng khoán hoặc bộ phận đầu tư của quỹ đầu tư hoặc các doanh nghiệp khác. Ngoài ra, còn phục vụ cho việc tự đầu tư hoặc tư vấn đầu tư.

11.68 Marketing dịch vụ: ***2 TC (2 LT)***

*Điều kiện tiên quyết:*Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Am hiểu các hoạt động của Marketing dịch vụ và tầm quan trọng của Marketing trong hoạt động, kinh doanh của các doanh nghiêp dịch vụ. Phân tích, đánh giá và đề xuất được các biện pháp hiệu quả của hoạt động Marketing dịch vụ.

Xây dựng được các chiến lược phát triển dịch vụ trong doanh nghiệp. Trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về marketing dịch vụ, là nền tảng giúp sinh viên nghiên cứu và thực hành tốt nghiệp vụ marketing dịch vụ. Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả.

Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm. Yêu thích và quan tâm đến các hoạt động marketing dịch vụ. Tự tin trong thảo luận và trình bày các kết quả nghiên cứu.Trung thực trong làm bài, không quay cóp, không sử dụng. bài của người khác

*Nội dung:*Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về marketing dịch vụ. Trang bị kiến thức cơ bản trong hoạt động quản lý marketing dịch vụ. Giới thiệu các

phương pháp và kinh nghiệm trong đổi mới marketing dịch vụ, ứng dụng trong các doanh nghiệp và trong hoạt động quản lý cấp DN.

11.69 Quản lý công nghệ ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức trong phạm vi hoạt động quản lý về công nghệ của Nhà nước và doanh nghiệp; Các phương pháp và công cụ trong hoạt động quản lý công nghệ.

Rèn luyện các kỹ năng về đánh giá, lựa chọn và phát triển công nghệ trong sản xuất kinh doanh và trong quản lý Nhà nước về công nghệ.

Nâng cao khả năng sử dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn quản lý tại doanh nghiệp.

Nội dung: Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về công nghệ và quản lý công nghệ. Trang bị kiến thức cơ bản trong hoạt động quản lý công nghệ như: phân tích môi

trường công nghệ, phân tích năng lực, đánh giá và lựa chọn công nghệ… Giới thiệu các phương pháp và kinh nghiệm trong đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ đối với hoạt động quản lý cấp doanh nghiệp và cấp Nhà nước.

11.70 Marketing quốc tế: ***2 TC (2 LT)***

*Điều kiện tiên quyết:*Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được khái quát về hoạt động marketing quốc tế và quản trị marketing quốc tế. Khái quát được các yếu tố ảnh hưởng của môi trường marketing quốc tế. Trình bày được các nội dung về phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường quốc tế. Trình bày được các phương thức tham gia, mở rộng và phát triển thị trường quốc tế. Trình bày được chính sách sản phẩm và phát triển sản phẩm quốc tế. Nhận biết được các nhân tố ảnh hưởng đến giá. Trình bày được các nội dung của chính sách giá, phương pháp xác định chính sách giá quốc tế. Khái quát được kênh phân phối quốc tế, Lựa chọn được kênh phân phối phù hợp. Trình bày được những nọi dung chính trong chính sách xúc tiến hỗn hợp quốc tế.

Rèn luyện được khả năng phân tích và khái quát hóa nhân tố ảnh hưởng của môi trường marketing quốc tế. Thực hành phân tích và đánh giá phân đoạn và lựa chọn thị trường quốc tế. Thực hành phân tích định vị và lựa chọn định vị sản phẩm phù hợp. Phân tích và lựa chọn hợp lý phương thức và chiến lược tham gia thị trường quốc tế. Thực hành xây dựng được chính sách sản phẩm. Thực hành xây dựng được chính sách giá cả. Thực hành xây dựng được chính sách phân phối. Thực hành xây dựng được chính sách xúc tiến hỗn hợp.

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, rèn luyện khả năng khái quát hóa và khả năng phân tích cẩn trọng các hoạt động thị trường và marketing; Có ý thức làm việc nhóm,

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho người học các kiến thức căn bản sau: Khái niệm marketing quốc tế và quản trị marketing quốc tế; phân tích môi trường marketing quốc tế; nghiên cứu thị trường quốc tế, lựa chọn thị trường mục tiêu và hoạch định chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế, lập kế hoạch marketing quốc tế; tổ chức thực hiện và kiểm soát hoạt động marketing quốc tế của doanh nghiệp với việc sử dụng các công cụ marketing hỗn hợp: sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiễn hỗn hợp.

11.71 Quan hệ công chúng: ***3 TC (3 LT)***

*Điều kiện tiên quyết:*Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Nắm được khái niệm, lịch sử hình thành và phát triển PR. Nêu được đặc điểm, nguyên tắc hoạt động PR. Phân tích được vai trò của PR trong xã hội. Phân biệt PR với Marketing và quảng cáo. Nắm được thực trạng và các hình thức PR tại Việt Nam và trên thế giới. Nắm được nội dung và phương thức công tác PR hiệu quả, cụ thể: xây dựng kế hoạch PR trên cơ sở đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, xác định nhóm công chúng, lựa chọn phương tiện truyền thông, hoạch định ngân sách; đánh giá kết quả; Thiết lập các mối quan hệ hợp tác và quản trị khủng hoảng trong PR. Nắm được bản chất và các hoạt động của PR nội bộ. Nắm được nội dung của công tác PR đối với sản phẩm mới.

Có khả năng lập kế hoạch cho chương trình PR. Có kỹ năng xác định mục tiêu, đánh giá cho các hoạt động PR. Có kỹ năng tư duy trong việc giải quyết các tình huống quan hệ công chúng cụ thể. Vận dụng hoạt động PR trong nội bộ của tổ chức. Có khả năng vận dụng PR vào hoạt động quảng bá sản phẩm mới. Giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thuyết trình, giao tiếp, làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người

*Nội dung:*Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về PR. Trang bị kiến thức cơ bản trong hoạt động quản lý PR. Giới thiệu các phương pháp và kinh nghiệm trong đổi mới PR, ứng dụng trong các doanh nghiệp và trong hoạt động của các tổ chức khác.

11.72 Nghiên cứu marketing: ***3 TC (3 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những nội dung căn bản trong nghiên cứu marketing. Khái quát

được nội dung và quá trình triển khai xây dựng bản kế hoạch nghiên cứu marketing. Trình bày được nguồn thu thập, ưu nhược điểm của dữ liệu sơ cấp và thứ cấp. Trình bày được phương pháp đo lường và xây dựng thang đo trong nghiên cứu marketing. Trình bày được các nội dung trong thiết kế xây dựng bảng câu hỏi. Trình bày được nội dung, phương pháp và quy trình trong chọn mẫu, các loại sai số chọn mẫu. Phân tích, xử lý được số liệu, kiểm định được giả thuyết nghiên cứu. Trình bày được các nội dung và nguyên tắc trong báo cáo kết quả nghiên cứu.

Thiết kế và xây dựng được bản sơ bộ kế hoạch nghiên cứu marketing. Thực hành phân tích và lựa chọn được phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu. Lập luận và phân tích được việc áp dụng thang đo trong hoạt động nghiên cứu marketing cụ thể. Xây dựng được bảng câu hỏi trong nghiên cứu hoạt động marketing. Lựa chọn được phương pháp chọn mẫu, thực hành được lựa chọn mẫu nghiên cứu. Phân tích và kiểm định được các giả thuyết nghiên cứu. Phân tích, tổng hợp và xây dựng được bản báo cáo kết quả nghiên cứu marketing.

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, rèn luyện tư duy khai quát hóa, xây dựng và lựa chọn ý tưởng nghiên cứu; Có ý thức làm việc nhóm, phối hợp hoạt động với các cá nhân và đơn vị, bộ phận khác trong giải quyết các nghiên cứu marketing.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những khái niệm cơ bản về nghiên cứu marketing. Trang bị kiến thức cơ bản trong hoạt động nghiên cứu marketing. Giới thiệu các phương pháp và kinh nghiệm trong đổi mới nghiên cứu marketing, ứng dụng trong các doanh nghiệp và trong hoạt động quản lý cấp Nhà nước.

11.73 Hành vi khách hàng: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Nắm được tổng quan về hành vi người tiêu dùng như: Khái niệm, vai trò, phân loại. Nhân biết được nhu cầu của người tiêu dùng và cách thức họ tìm kiếm thông tin. Xác định được cách đánh giá và các giải pháp lựa chọn. Đánh giá được những tác động của tình huống. Nhận biết được tâm lý của người tiêu dùng sau khi mua sắm. Nhận biết được các phản ứng không hài long của người tiêu dung. Xác định được cách thức ghi nhớ của của người tiêu dung. Nắm được các động cơ của người tiêu dung. Nắm được các cá tính của người tiêu dung. Xác định được các yếu tố cấu thành nên thái độ. Nắm được sự tác động của yếu tố cá nhân đối với sự thay đổi của thái độ. Nhận biết được sự tác động của nhóm đến quá trình tiêu dung. Trình bày được các hình thức ra quyết định trong gia đình. Trình bày được sự tác động của nguồn thông tin đến người tiêu dung. Sự ảnh hưởng của văn hóa đến người tiêu dung. Am hiểu những yếu tố tâm lý, cá nhân, những niềm tin cốt yếu, những giá trị, phong tục tập quán ảnh hưởng đến hành vi của khách hàng. Giải thích được hành vi sử dụng ngân quỹ cá nhân, lựa chọn, đánh giá các

nhãn hiệu và đưa ra những quyết định tiêu dùng. Hiểu biết sâu sắc về khoa học về hành vi người tiêu dùng nhằm trở thành một nhà quản trị marketing hiệu quả, hay nói cách khác là giúp cho những nhà quản trị có được những quyết định marketing tốt hơn. Vận dụng kiến thức về hành vi khách hành để xây dựng các chiến lược marketing thích ứng.

Nâng cao kỹ năng phán đoán tình huống, giải quyết vấn đề khách hàng. Phát triển kỹ năng thích ứng với môi trường kinh doanh, với sự thay đổi của nhu cầu thị trường, thị hiếu của khách hàng. Lập kế hoạch phân khúc thị trường, định vị sản phẩm và xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp cho từng nhóm khách hàng mục tiêu.

Tinh thần, thái độ làm việc nghiêm túc, chuẩn mực sẽ được phát huy khitham gia học phần. Tạo dựng tinh thần trách nhiệm đối với đơn vị, đối với xã hội và quan trọng nhất là trách nhiệm đố i với công việc trực tiếp đảm nhiệm

*Nội dung:*Hành vi tiêu dùng chú trọng đến việc nghiên cứu tâm lý cá nhân, nghiên cứu những niềm tin cốt yếu, những giá trị, những phong tục, tập quán ảnh hưởng đến hành vi con người và những ảnh hưởng lẫn nhau giữa các cá nhân trong quá trình mua sắm tiêu dùng. Một sự hiểu biết về hành vi tiêu dùng cung cấp nền tảng cho những chiến lược marketing, như việc định vị sản phẩm, phân khúc thị trường, phát triển sản phẩm mới, những áp dụng thị trường mới, marketing toàn cầu, những quyết định marketing mix.

11.74 Quản trị chiến lược: 3 TC (3 LT)

Điều kiện tiên quyết: Các học phần kiến thức cơ sở khối ngành và ngành.

Mục tiêu của học phần:

Hiểu được các khái niệm, các yếu tố hợp thành chiến lược của một doanh nghiệp. Nắm bắt được tiến trình quản trị chiến lược trong một doanh nghiệp. Hiểu được các nhân tố bên trong và bên ngoài tác động đến quá trình thiết lập, lựa chọn và triển khai thực hiện chiến lược một doanh nghiệp. Ứng dụng những vấn đề lý thuyết được trình bày trong học phần vào việc hoạch định, tổ chức triển khai cũng như kiểm soát chiến lược cho một doanh nghiệp. Phân tích, nhận dạng và đưa ra các quyết định manh tính chiến lược trong một doanh nghiệp.

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về những nguyên lý quản trị chiến lược và sự vận dụng thực tiễn doanh nghiệp của nó như: những khái niệm cơ bản về chiến lược và quản trị chiến lược; các giai đoạn phát triển của quản trị chiến lược; mô hình nguyên lý quản trị chiến lược của doanh nghiệp có mục tiêu dài hạn, bao gồm: hoạch định chiến lược, tổ chức thực hiện chiến lược, đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh, thay đổi chiến lược của doanh nghiệp dưới những điều kiện môi trường, thị trường và nguồn nhân lực xác định của doanh nghiệp.

11.75 Quản trị thương hiệu: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Nhận biết được các nhân tố cấu thành thương hiệu. Định vị giá trị thương hiệu doanh nghiệp. *Các cách thức quảng bá thương hiệu như quảng cáo, PR...* Các quy định về bảo vệ tài sản thương hiệu doanh nghiệp.

Kỹ năng xây dựng cách thức quảng bá thương hiệu. Xây dựng chương trình truyền thông quảng bá thương hiệu.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến quản trị marketing. Rèn luyện tính trung thực trong phát hiện và nhận dạng các vấn đề có liên quan đến quản trị market, quản trị thương hiệu.

*Nội dung:*Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về thương hiệu, quản trị thương hiệu vai trò và ý nghĩa của thương hiệu đối với doanh nghiệp; Các mô hình phát triển thương hiệu, khả năng bảo vệ thương hiệu doanh ngiệp; Hệ thống nhận diện thương hiệu, các phương thức quảng bá thương hiệu; Các cách thức quảng bá thương hiệu, khai thác giá trị thương hiệu để giá tăng giá trị doanh nghiệp.

11.76 Quản trị bán hàng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản.

Mục tiêu của học phần:

Nắm bắt được các khái niệm và kiến thức và kỹ năng cơ bản về bán hàng, chăm sóc khách hàng và quản trị bán hàng. Xây dựng được kế hoạch bán hàng. Tuyển chọn, huấn luyện, thiết kế và tổ chức lực lượng bán hàng trong doanh nghiệp. Quản trị đội ngũ bán hàng

*Nội dung:*Học phần giúp sinh viên giải quyết các vấn đề liên quan đến thiết kế kênh phân phối, bên cạnh kênh truyền thống, ngày nay còn xuất hiện những kênh phân phối hiện đại với sự hỗ trợ của thiết bị kỹ thuật. Thiết kế, lựa chọn và phối hợp các kênh phân phối như thế nào để sản phẩm đến tay người tiêu dùng một cách thuận tiện nhất về mặt không gian và thời gian, đó là những quyết định mang tính chiến lược. Bên cạnh thiết kế kênh nhà quản trị kênh phải tổ chức, xây dựng các chính sách để hỗ trợ và duy trì các thành viên trong kênh, hạn chế tối đa những xung đột có thể xảy ra giữa các thành viên trong kênh.

11.77 Đồ án Lập kế hoạch marketing: 3 TC (3 ĐA)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản

Mục tiêu của học phần:

Hiểu về đặc trưng của một kế hoạch Marketing. Đánh giá được sự phù hợp của bản thân với nghề marketing. Nhận diện được một cơ hội marketing. Hình thành ý tưởng marketing, lên phương án tài chính cho hoạt động marketing. Soạn thảo một kế hoạch marketing chi tiết. Triển khai được hoạt động marketing.

Nhìn nhận vấn đề, kỹ năng lập và triển khai kế hoạch.

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

*Nội dung:*Các đặc trưng của nghề kinh doanh và doanh nhân. Cách thức đánh giá bản thân và cơ hội kinh doanh. Nội dung một kế hoạch marketing. Một số kỹ năng soạn thảo kế hoạch marketing. Các bước để triển khai kế hoạch marketing.

11.78 Tiếng anh chuyên ngành: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị doanh nghiệp, Tiếng Anh 3A - Luyện thi B1

Mục tiêu của học phần:

Nắm được các kiến thức nhất định về các hoạt động trong môi trường kinh doanh thương mại như: kinh doanh trực tuyến (selling online), marketing, quản lý nhân sự (managing people), đề ra và thực hiện một kế hoạch (planning), cách giải quyết các mâu thuẫn trong một công ty (conflict) v.v… Có khả năng hiểu, sử dụng và vận dụng được các thuật ngữ, khái niệm, các cấu trúc tương đối phức tạp vào biên dịch, phiên dịch các tài liệu liên quan đến kinh tế, thương mại.

Có kỹ năng xử lý những tình huống thông thường trong thực tiễn liên quan đến kinh tế, thương mại, marketing, nhân lực, sản xuất, chất lượng, tài chính, phát triển được nghiệp vụ. Soạn thảo được các thư điện tử (an email); viết thư (a letter); viết báo cáo (a report); viết kiến nghị a recommendation); viết tài liệu quảng cáo trong hoạt động kinh doanh (a sales leaflet) và có thể thảo luận và trình bày các chủ đề có liên quan đến kinh tế thương mại.

Thể hiện sự chăm chỉ, nhiệt tình tích cực, say mê trong giải quyết nhiệm vụ học tập; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

Nội dung: Tiếng Anh Kinh tế là môn học cung cấp những kiến thức kinh doanh cơ bản, trau dồi kỹ năng giao tiếp và ngôn ngữ giao dịch kinh doanh cho sinh viên trong nhiều ngữ cảnh khác nhau. Các chủ đề về kinh doanh được lựa chọn đề cập rất phong phú như việc bán lẻ hàng hoá, phát triển sản phẩm, phương pháp tiếp thị...với nội dung rất sát thực được cập nhật từ các báo, tạp chí kinh doanh.

Thông qua các chủ đề thú vị và sát thực, môn học giới thiệu vốn từ vựng kinh doanh phong phú, đa dạng, ôn lại các cấu trúc ngữ pháp giúp sinh viên hiểu và ứng dụng được vào công tác biên phiên dịch các tài liệu kinh tế. Các chủ đề đó bao gồm: Thương hiệu, cơ cấu tổ chức, các vấn đề liên quan đến tiền, quảng cáo, văn hóa kinh doanh, việc làm, mậu dịch, chất lượng sản phẩm, đạo đức kinh doanh, lãnh đạo, sự đổi mới, cạnh tranh

11.79Truyền thông marketing tích hợp: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản.

Mục tiêu của học phần:

Nắm bắt chính xác chiến lược marketing, IMC và các công cụ của IMC. Phân tích các cơ hội để từ đó đưa ra các chương trình chiêu thị hiệu quả. Hiểu biết tiến trình truyền thông. Nắm bắt các kỹ năng về tổ chức và phối hợp các công cụ truyền thông cũng như đánh giá và đo lường hiệu quả của chúng.

Chủ động trong việc xử lý tình huống. Thể hiện được vai trò của trưởng nhóm. Biết trình bày báo cáo và thuyết trình đề tài nghiên cứu. Ra được các quyết định về marketing.

Tôn trọng các nguyên tắc và công cụ trong marketing. Luôn vận dụng các nguyên tắc và công cụ marketing trong hoạt động hàng ngày. Thể hiện được sự chăm chỉ nhiệt tình, tích cực tham gia các hoạt động nhóm trong học tập, biết lắng nghe, cầu thị và chấp nhận các quan điểm đúng của người khác

*Nội dung:*Môn học giới thiệu các công cụ, kỹ thuật và phương tiện truyền thông được sử dụng để chiêu thị sản phẩm. Truyền thông marketing tích hợp là một chiến lược phối kết hợp các công cụ truyền thông nhằm gia tăng mức độ tác động đến khách hàng mục tiêu. Người học sẽ được tiếp cận việc phân tích các cơ hội để chiêu thị, phân tích tiến trình truyền thông, thiết lập mục tiêu và ngân sách IMC. Môn học cũng tập trung vào nghiên cứu các chức năng và các thành phần cơ bản của chiêu thị trong các chương trình marketing của doanh nghiệp; các khái niệm và tiến trình thiết lập chiến lược IMC

11.80 Quản trị quan hệ khách hàng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Marketing căn bản.

Mục tiêu của học phần:

Nhận diện các loại khách hàng. Hiểu rõ tầm quan trọng của việc chăm sóc khách hàng và hoạt động quản trị quan hệ khách hàng. Hiểu rõ được sự cần thiết phải vận dụng công nghệ thông tin vào CRM. Thực hiện các nguyên tắc ứng xử trong các tình huống tiếp xúc với khách hàng. Nắm vững cách thức và phương pháp để xác định nhu cầu, mong muốn và phản hồi từ khách hàng. Hiểu và vận dụng tốt quy trình quản trị quan hệ khách hàng. Hiểu được những khiếm khuyết trong việc chăm sóc khách hàng để cải thiện công tác chăm sóc khách hàng.

Rèn luyện các kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng mô hình tổ chức dữ liệu khách hàng, kỹ năng xây dựng chiến lược quan hệ khách hàng, kỹ năng lãnh đạo, quản lý nhân viên chăm sóc khách hàng, kỹ năng kiểm soát hoạt động chăm sóc khách hàng.

Tích cực và chủ động tham gia các hoạt động học tập: nghe giảng, thảo luận và làm việc nhóm; biết chấp nhận các quan điểm khác nhau và sẵn sàng làm việc với mọi người.

*Nội dung:*Môn học quản trị quan hệ khách hàng nhằm phát triển các kiến thức cơ bản về việc tổ chức và điều hành các hoạt động quản trị thông tin khách hàng và

mối quan hệ giữa tổ chức với khách hàng. Cụ thể, môn học này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về vai trò và tầm quan trọng của quản trị quan hệ khách hàng, chiến lược quan hệ khách hàng, quản trị cơ sở dữ liệu khách hàng, quản trị xung đột và duy trì sự hài lòng của khách hàng. Môn học cũng cung cấp kiến thức về kiểm tra đánh giá và điều chỉnh hoạt động quản trị quan hệ khách hàng.

11.81 Phân tích hoạt động kinh doanh: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Kế toán quản trị.

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được các nội dung cơ bản của phân tích hoạt động kinh doanh như: Khái niệm, tác dụng, nội dung, phương pháp và quy trình phân tích hoạt động kinh doanh. Hiểu rõ các phương pháp phân tích dùng trong phân tích kết quả sản xuất, phân tích các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí kinh doanh và giá thành sản phẩm, phân tích tình hình tiêu thụ và lợi nhuận, phân tích tài chính doanh nghiệp.

Vận dụng các phương pháp phân tích có thể phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh tại một doanh nghiệp cụ thể. Từ thực trạng phân tích có thể nhận biết được các nhân tố tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh, phát hiện ra nguyên nhân từ đó đề xuất giải pháp thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;

Hình thành được tính chính xác, tính cẩn thận và khả năng phân tích các vấn đề trong lĩnh vực kinh doanh.

Nội dung: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về phân tích hoạt động kinh doanh như: khái quát về phân tích hoạt động kinh doanh; phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, tình hình sản xuất kinh doanh; tình hình tiêu thụ, lợi

11.82 Quản trị cung ứng: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: các học phần cơ sở khối ngành và cơ sở ngành.

Mục tiêu của học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức trong phạm vi hoạt động quản lý về chuỗi cung ứng của Nhà nước và doanh nghiệp; Các phương pháp và công cụ trong hoạt động quản lý chuỗi cung ứng.

Rèn luyện các kỹ năng về đánh giá, lựa chọn và phát triển chuỗi cung ứng trong sản xuất kinh doanh của các DN và trong quản lý Nhà nước về chuỗi cung ứng.

Nâng cao khả năng sử dụng các kiến thức đã học áp dụng vào thực tiễn quản lý tại doanh nghiệp.

*Nội dung:*Học phần cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản về cung ứng và quản trị cung ứng; tổ chức trong quản tri cung ứng; quy trình nghiệp vụ cung ứng; mua sắm trang thiết bị sản xuất, dịch vụ; xác định nhu cầu vật tư và dự báo nhu

cầu vật tư; ứng dụng máy tính và thương mại điện tử trong cung ứng vật tư; đàm phán trong hoạt động cung ứng và vận tải.

11.83 Đầu tư quốc tế: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Sinh viên sẽ được trang bị các kiến thức tổng quan về đầu tư nước ngoài (trọng tâm là đầu tư trực tiếp nước ngoài – FDI) và các loại hình đầu tư nước ngoài trên thế giới. Phân tích được ảnh hưởng của đầu tư quốc tế theo những chiều hướng khác nhau đến nước tiếp nhận đầu tư và cả cho nước đi đầu tư. Nhận biết các yếu tố ảnh hưởng đến FDI. Cụ thể là những lợi ích và tổn thất khi có hoạt động FDI xảy ra cho cả nước đầu tư và nước tiếp nhận đầu tư.

Kỹ năng tư duy về bản chất hoạt động đầu tư nước ngoài và có kỹ năng phân tích những ảnh hưởng tích cực cũng như tiêu cực của hoạt động đầu tư nước ngoài cho cả nước tiếp nhận đầu tư và nước đầu tư. Có khả năng ứng dụng vào phân tích các tình huống đầu tư thực tế của các công ty có vốn đầu tư nước ngoài hay công ty đa quốc gia.

Có khả tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư quốc tế

Nội dung: Học phần đề cập đến những nội dung: đặc điểm, tác động và xu hướng của đầu tư quốc tế, các lý thuyết liên quan về đầu tư quốc tế, môi trường đầu tư quốc tế, các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế và các hiệp định đầu tư quốc tế.

11.84 Phân tích đầu tư: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Lập và quản lý dự án đầu tư

Mục tiêu của học phần:

Trình bày được những vấn đề cơ bản của hoạt động đầu tư và một số mô hình phân tích đầu tư.

Trình bày được các tác động của đầu tư đến nền kinh tế vĩ mô và đến doanh nghiệp; Các nguyên tắc và các phương pháp xác định giá trị của tài sản đầu tư. Trình bày được các kiến thức cơ bản về phân tích các phương án đầu tư theo các kịch bản khác nhau trong đó tập trung ở phân tích quy mô đầu tư, cơ cấu đầu tư, phân tích đa tiêu chí.

Áp dụng được các mô hình trong phân tích đầu tư. Đánh giá được được các tác động của hoạt động đầu tư đến nền kinh tế và doanh nghiệp. Vận dụng các phương pháp xác định giá trị của các tài sản đầu tư. Phân tích các quyết định đầu tư để từ đó đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả. Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm hiệu quả.

Phát triển tư duy nhận thức của sinh viên trong các vấn đề liên quan kinh tế đầu tư, trên cơ sở đó sinh viên đi sâu nghiên cứu và ứng dụng kiến thức đó vào thực tế để rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp.

Nội dung: Môn Phân tích đầu tư là môn học chuyên sâu của chuyên ngành Kinh tế đầu tư. Môn học này cung cấp những vấn đề cơ bản về hoạt động đầu tư và các mô hình phân tích sẽ được áp dụng trong đầu tư. Phân tích các tác động của đầu tư ở tầm vĩ mô (nền kinh tế quốc dân) và tầm vi mô (đến doanh nghiệp). Các nguyên tắc và các phương pháp xác định giá trị của tài sản đầu tư. Phân tích các phương án đầu tư theo các kịch bản khác nhau trong đó tập trung ở phân tích quy mô đầu tư, cơ cấu đầu tư, phân tích đa tiêu chí.

11.85 Kinh tế Việt Nam: ***2 TC (2 LT)***

Điều kiện tiên quyết: Quản trị học

Mục tiêu của học phần:

Cung cấp cho sinh viên về những biến đổi sâu sắc và toàn diện của nền kinh tế Việt Nam trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Giúp sinh viên xác định được đối tượng và phạm vi nghiên cứu của môn kinh tế Việt Nam. Trình bày được khái niệm và các nguồn lực phát triển kinh tế bao gồm nguồn nhân lực, nguồn lực vốn, nguồn lực khoa học công nghệ, nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực khác. Phân tích được thực trạng các nguồn lực phát triển kinh tế của Việt Nam. Phân tích được những nhân tố tác động đến sự hình thành và hoàn thiện thể chế; và chức năng của thể chế kinh tế. Trình bày được thực trạng thể chế kinh tế của Việt Nam từ năm 1986 đến nay. Trình bày được khái niệm và các nhân tố tác động đến tăng trưởng kinh tế. Phân tích được thành tựu và hạn chế về tăng trưởng kinh tế Việt Nam. Trình bày được những quan niệm và nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phân tích được nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam đến năm 2020. Xác định được vai trò của chính sách tài khóa, quá trình cải cách hệ thống thuế trong thời kỳ đổi mới. Phân tích được thực trạng thu chi ngân sách, thâm hụt và bù đắp bội chi ngân sách nhà nước. Trình bày được các chức năng và công cụ của chính sách tiền tệ cảu Ngân hàng Nhà nước. Phân tích quá trình điều hành chính sách tiền tệ và tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam. Phân tích được những thành tựu và hạn chế của chính sách giáo dục và đào tạo. Phân tích được những thành tựu và hạn chế của chính sách lao động việc làm, chính sách an sinh xã hội. Xác định được những đặc trưng chủ yếu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Phân tích những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của nó đến kinh tế Việt Nam. Phân tích được những đặc điểm và vai trò của nông nghiệp trong nền kinh tế Việt Nam. Trình bày được những thành tựu, hạn chế và các biện pháp chủ yếu phát triển nông nghiệp Việt Nam.

Vận dụng và đánh giá các sự kiện kinh tế, quá trình chuyển biến của nền kinh tế– Việt Nam trong mối quan hệ mang tính lịch sử và lôgíc để hình thành tư duy khoa học như điều kiện cần thiết để đi sâu nghiên cứu giải quyết những vấn đề cụ thể thuộc lĩnh vực kinh tế ngành. Nhận thức được xu hướng và những vấn đề đặt ra trong phát triển kinh tế thị– trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay

Hình thành được óc tu duy khoa học về các vấn đề và sự kiện kinh tế

Nội dung: Học phần Kinh tế Việt Nam nghiên cứu về quá trình chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực trạng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay). Nội dung bao gồm các vấn đề về nguồn lực phát triển kinh tế, thể chế kinh tế, thực trạng tăng trưởng kinh tế, chính sách và tình hình phát triển của các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế. Học phần Kinh tế Việt Nam làm rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn của nền kinh tế Việt Nam khi chuyển đổi từ mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp sang mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

11.86 Đầu tư tài chính: 2 TC (2 LT)

Điều kiện tiên quyết: Quản trị tài chính.

Mục tiêu của học phần:

Nắm vững lý thuyết đầu tư tài chính hiện đại trong quản lý danh mục. Nắm vững nguyên tắc và mục tiêu của quản trị danh mục đầu tư của các nhà đầu tư tổ chức.

Phải biết phân tích và dự báo rủi ro và tỷ suất sinh lợi trong quản lý danh mục đầu tư. Vận dụng các lý thuyết đầu tư tài chính trong điều kiện thực tiễn.

Có khả năng tự nghiên cứu độc lập các vấn đề liên quan đến đầu tư tài chính

Nội dung: Đây là môn học cung cấp những kiến thức đầu tư hiện đại liên quan đến các lý thuyết tài chính và những chứng cứ thực nghiệm để đưa ra một quyết định đầu tư.Học phần trang bị cho học viên hệ thống kiến thức lý luận cơ bản về các công cụ đầu tư, phân tích ngành, định giá doanh nghiệp và cổ phiếu, phân tích và định giá trái phiếu, phân tích và định giá chứng khoán phái sinh, phân tích kỹ thuật. Từ đó học viên có thể vận dụng trong hoạt động đầu tư tại bộ phận tự doanh của công ty chứng khoán hoặc bộ phận đầu tư của quỹ đầu tư hoặc các doanh nghiệp khác. Ngoài ra, còn phục vụ cho việc tự đầu tư hoặc tư vấn đầu tư.

11.87 Thực tập 1 (nhận thức công nghệ): 1 TC (1 TTCS)

Điều kiện tiên quyết: Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô

Mục tiêu của học phần:

Thực tập nhận thức công nghệ là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế, ngành Kế toán. Chương trình thực tập này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt

thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài.

Hiểu rõ vai trò của công nghệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung. Hiểu biết về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của doanh nghiệp. Hiểu biết về ngành nghề kinh doanh, quy trình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thực tế.

Nhận thức chính xác quy trình công nghệ trong một số lĩnh vực cụ thể. Viết báo cáo tổng hợp kết quả thực tập (kèm theo hình ảnh minh họa, có khả năng đánh giá và nhận xét căn bản về tính hợp lý cũng như các hạn chế trong tổ chức hoạt động của doanh nghiệp). Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thu thập tài liệu hiệu quả.

Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành công việc được giao. Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập. Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế.

Nội dung: Học phần yêu cầu sinh viên vận dụng những kiến thức cơ sở để nhận dạng những tác động và ảnh hưởng đến quá trình sản xuất kinh doanh ở các doanh nghiệp; nghe báo cáo các chuyên đề của nhà quản trị doanh nghiệp về hoạt động sản xuất kinh doanh; tổng hợp, xử lý và phân tích sơ bộ được các số liệu ở các phòng ban chức năng trong doanh nghiệp.

11.88 Thực tập 2 (kỹ năng): 2 TC (2 TTCS)

Điều kiện tiên quyết: Các môn cơ sở ngành

Mục tiêu của học phần:

Thực tập kỹ thuật là một phần quan trọng trong chương trình đào tạo của Khoa Kinh tế, ngành Quản trị kinh doanh. Chương trình thực tập này là một giai đoạn chuyển tiếp giữa môi trường học tập với môi trường xã hội thực tiễn. Mục tiêu của đợt thực tập này nhằm tạo điều kiện cho sinh viên có cơ hội cọ sát với thực tế, gắn kết những lý thuyết đã học được trên ghế giảng đường với môi trường thực tiễn bên ngoài. Đồng thời, sinh viên được trực tiếp tiếp cận, thực hiện một số nghiệp vụ căn bản về quản trị nhân sự, quản trị văn phòng, quản trị marketing, quản trị sản xuất. Hiểu rõ công tác tổ chức và quản lý doanh nghiệp. Hiểu biết về đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Có khả năng phân tích được tình hình sản xuất, tài chính, nhân sự, bán hàng của doanh nghiệp. Đưa ra được một số giải pháp khắc phục những hạn chế trong quản trị doanh nghiệp.

Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành công việc được giao. Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập. Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế

Nội dung: Thực tập 2 sẽ giúp sinh viên nhận thức đầy đủ về các nhân tố có tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp; tổng hợp, xử lý và phân tích

cơ bản được các số liệu ở các phòng ban chức năng trong doanh nghiệp; đưa ra những đề xuất, giải pháp cơ bản nâng cao hiệu quả hoạt động ở các phòng ban chức năng trong doanh nghiệp. Hoàn thành các báo cáo sau khi kết thúc đợt thực tập.

11.89Thực tập tốt nghiệp: 3 TC (3 TTCS)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần quy định.

Mục tiêu của học phần:

Nội dung: Học phần yêu cầu sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được trang bị vào việc giải quyết các công việc có liên quan đến việc thu thập, tổng hợp, xử lý, phân tích và đánh giá hệ thống các thông tin về các hoạt động ở một cơ quan, doanh nghiệp hoạt động có liên quan đến hoạt động kinh doanh; rèn luyện phương pháp kỹ năng hoạch định, thực hiện đúng những chính sách, những quy định về kinh doanh theo qui định của Nhà nước. Cuối đợt thực tập sinh viên phải nộp Báo cáo thu hoạch và được chấm điểm. Sinh viên đạt điểm theo qui định sẽ được làm Khoá luận (Bảo vệ khóa luận) tốt nghiệp.

11.90 Khoá luận tốt nghiệp: 5 TC (5 KLTN)

Điều kiện tiên quyết: Hoàn thành tất cả các học phần quy định, hoàn thành các chứng chỉ chuẩn đầu ra theo quy định của trường.

Mục tiêu của học phần:

Học phần yêu cầu sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được học vào việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thu thập, xử lý, phân tích, đánh giá các thông tin về các hoạt động ở một cơ quan, doanh nghiệp như: Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp, nghiệp vụ marketing, nghiêp vụ sản xuất, quản lý chất lượng, quản trị tài chính...; rèn luyện phương pháp kỹ năng hoạch định, thực hiện đúng những chính sách đã ban hành của Nhà nước về quản lý, quản trị trong các tổ chức là các doanh nghiệp kinh doanh, thương mại. Cuối đợt thực tập sinh viên phải nộp Báo cáo thực tập tốt nghiệp và được chấm điểm. Sinh viên đạt điểm theo qui định sẽ được phép tham dự kỳ thi tốt nghiệp hay làm Khoá luận (Bảo vệ Luận văn) tốt nghiệp.

Hiểu rõ về cơ cấu tổ chức, sự hoạt động của các chức năng quản trị và các lĩnh vực hoạt động trong doanh nghiệp. Trên cơ sở vận dụng những kiến thức đã học sinh viên có thể chỉ ra cơ chế sự hoạt động và những bất cập trong các lĩnh vực hoạt động đó. Hiểu biết về lịch sử hình thành và quá trình phát triển của doanh nghiệp. Hiểu biết về ngành nghề kinh doanh, quy trình sản xuất và công nghệ sản xuất trong thực tế;

Vận dụng kiến thức, tuy duy quản trị sinh viên có thể nhận biết và chỉ ra sự hoạt động của các hoạt động quản trị các lĩnh vực nhận biết đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu, tồn tại và nguyên nhân từ đó đưa ra các giải pháp... Viết báo cáo tổng hợp kết quả thực tập (kèm theo hình ảnh minh họa, có khả năng đánh giá và nhận xét căn bản về tính hợp lý cũng như các hạn chế trong tổ chức hoạt động của doanh nghiệp). Rèn

luyện kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng thu thập tài liệu hiệu quả. Rèn luyện kỹ năng viết báo cáo và trình bày vấn đề nghiên cứu từ thực tế thực tập

Có thái độ nghiêm túc và chăm chỉ để hoàn thành công việc được giao. Chấp hành tốt nội qui làm việc được qui định tại nơi tham gia thực tập. Mạnh dạn áp dụng các kiến thức thu được trong học tập vào ứng dụng thực tế. Có những ý kiến đề xuất để hoàn thiện sự HĐ của các lĩnh vực quản trị trong thực tế

Nội dung: Học phần yêu cầu sinh viên tự tổng hợp, vận dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường đại học và thực tế để viết một bản báo cáo khoá luận tốt nghiệp có nội dung liên quan đến những vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.

HIỆU TRƯỞNG	**TRƯỞNG KHOA**
GS.TS Trần Trung	**TS. Nguyễn Văn Hưởng**